

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

Phòng thi: 01

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

BẢNG GHI ĐIỂM THI

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỜNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYỄN VỌNG THPT			NGUYỄN VỌNG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TỔÁN, NGŨ VĂN, TIN HỌC	HOA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020001	01	Lâm Hoài An	Nam	18	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Hồng Ngự	THCS An Thạnh	T	G	G	2022					8,500	5,125	6,000	1,500		1,125	TP Hồng Ngự	HN11	CVA2	NQD	SH1	HH2	Đồng ý
2	020002	01	Nguyễn Bùi Gia An	Nam	29	05	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	7,750	8,750			4,375	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
3	020003	01	Nguyễn Minh An	Nam	24	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Tú	T	G	G	2022					8,500	9,250	8,500			7,500	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
4	020004	01	Nguyễn Thành An	Nam	15	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	K	K	2022					6,750	5,250	5,750		2,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	TI1		Đồng ý
5	020005	01	Nguyễn Thụy Thuý An	Nữ	29	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Chí Thanh	T	G	G	2022					8,000	9,500	7,500			6,300	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
6	020006	01	Phan Thị Vĩnh An	Nữ	27	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,500	6,500	8,500		5,750	1,500	TP Cao Lãnh	THD1	TPCL2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý
7	020007	01	Bùi Duy Anh	Nam	01	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	8,250	8,000		6,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
8	020008	01	Bùi Huỳnh Kỳ Anh	Nữ	18	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Bình Thạnh	T	G	G	2022					7,000	7,000	8,000	5,750		1,100	H.Cao Lãnh	CL21		NQD	SH1	TA2	Đồng ý
9	020009	01	Bùi Võ Ngọc Gia Anh	Nữ	16	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	8,375	8,750		5,000	5,125	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	HH1	TI2	Đồng ý
10	020010	01	Đặng Ngọc Lan Anh	Nữ	25	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Phương Trà	T	G	G	2022					7,750	8,125	9,000	7,750			H.Cao Lãnh	TLI1		NQD	VL1		Đồng ý
11	020011	01	Hà Thị Trâm Anh	Nữ	24	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Chí Thanh	T	G	G	2022					7,000	6,250	9,000		6,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
12	020012	01	Huỳnh Thị Minh Anh	Nữ	30	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,000	5,000	6,000		5,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Đồng ý
13	020013	01	Lại Quỳnh Anh	Nữ	12	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	9,000	8,000			3,100	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
14	020014	01	Lê Lan Anh	Nữ	13	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS Mỹ Quý	T	G	G	2022					7,750	8,000	8,750			6,750	Tháp Mười	MQ1		NQD	HH1		Đồng ý
15	020015	01	Lê Nguyễn Văn Anh	Nữ	27	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	7,750	8,500			6,625	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
16	020016	01	Lê Thị Kim Anh	Nữ	19	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	7,000	9,000		5,500	1,900	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
17	020017	01	Lê Tú Anh	Nam	16	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Thọ	T	G	G	2022					3,750	8,000	5,500		0,000		H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TI1		Đồng ý
18	020018	01	Lê Văn Anh	Nữ	30	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	8,875	10,000		7,500	2,600	TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
19	020019	01	Nguyễn Dương Mai Anh	Nữ	29	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	6,625	8,750		2,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý
20	020020	01	Nguyễn Huỳnh Hồng Anh	Nữ	17	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	6,375	5,750		7,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Đồng ý
21	020021	01	Nguyễn Huỳnh Minh Anh	Nữ	16	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,500	7,750	8,000	7,000			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1		Đồng ý
22	020022	01	Nguyễn Huỳnh Trâm Anh	Nữ	11	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS và THPT Nguyễn Văn Khái	T	G	G	2022					7,500	5,750	6,250			2,600	TP Cao Lãnh	TPCL1	KV2	NQD	TA1		Đồng ý
23	020023	01	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	Nữ	22	11	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					8,000	8,000	8,000		5,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	TI1		Đồng ý
24	020024	01	Nguyễn Loan Anh	Nữ	16	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	6,000	7,250	0,750		2,100	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1	TA2	Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG



Nguyễn Nhựt Trường



Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

Phòng thi: 02

BẢNG GHI ĐIỂM THI

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỞNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYỄN VỌNG THPT			NGUYỄN VỌNG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN, NGŨ VĂN, TIN HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020025	02	Nguyễn Minh Anh	Nữ	05	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,500	7,625	7,750			4,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	HH1		Đồng ý
2	020026	02	Nguyễn Ngọc Minh Anh	Nữ	28	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	8,750	8,750			4,500	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TA1		Đồng ý
3	020027	02	Nguyễn Ngọc Nguyên Anh	Nữ	06	02	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					9,250	10,000	8,250		V	6,800	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TA1	NV2	Đồng ý
4	020028	02	Nguyễn Nhật Anh	Nữ	01	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Trãi	T	G	G	2022					5,750	3,750	7,500	4,250			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1		Đồng ý
5	020029	02	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	01	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	8,375	8,500		6,750	2,500	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
6	020030	02	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	09	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS Mỹ Quý	T	G	G	2022					8,250	4,250	7,500		7,000		Tháp Mười	MQ1		NQD	NV1		Không đồng ý
7	020031	02	Nguyễn Thị Mỹ Anh	Nữ	06	08	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	7,375	6,750			1,900	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
8	020032	02	Nguyễn Thị Trâm Anh	Nữ	06	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Thống Linh	T	G	G	2022					6,250	6,125	8,500		4,250	V	TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
9	020033	02	Nguyễn Trần Ngọc Anh	Nữ	20	10	2007	An Giang	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	7,625	8,500	6,250			TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	VL1		Đồng ý
10	020034	02	Nguyễn Trần Nhật Anh	Nữ	11	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					8,500	8,875	7,750			3,400	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TA1		Đồng ý
11	020035	02	Nguyễn Văn Anh	Nữ	13	12	2007	An Giang	Kinh	TP Hồng Ngự	THCS An Thạnh	T	G	G	2022					6,000	8,125	8,000			4,700	TP Hồng Ngự	CVA1	HN12	NQD	TA1		Đồng ý
12	020036	02	Phan Nguyễn Phương Anh	Nữ	07	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Hồng Ngự	THCS An Thạnh	T	G	G	2022					7,500	7,125	6,750		5,000		TP Hồng Ngự	CVA1	HN12	NQD	TO1		Đồng ý
13	020037	02	Trần Hoàng Phi Anh	Nữ	25	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					8,250	9,250	6,750			4,300	TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	TA1		Đồng ý
14	020038	02	Trương Thị Lan Anh	Nữ	11	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Nguyễn Minh Trí	T	G	G	2022					6,750	6,500	8,750		4,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
15	020039	02	Võ Đỗ Mai Anh	Nữ	11	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					4,500	8,250	6,000			4,200	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
16	020040	02	Võ Hoàng Anh	Nữ	06	06	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	9,125	8,250			6,800	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
17	020041	02	Võ Phan Quỳnh Anh	Nữ	25	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	7,750	7,500			V	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TA1		Đồng ý
18	020042	02	Vương Trần Mai Anh	Nữ	06	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					8,750	8,750	7,750		5,500	3,700	TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	TA1	TO2	Đồng ý
19	020043	02	Huỳnh Ngọc Ánh	Nữ	23	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Thọ	T	G	G	2022					7,750	8,500	8,000	5,750	2,000		H.Cao Lãnh	CL11		NQD	SH1	TO2	Đồng ý
20	020044	02	Lương Thị Ngọc Ánh	Nữ	17	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,000	8,500	8,250	7,750	6,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	VL2	Đồng ý
21	020045	02	Nguyễn Hồng Ánh	Nữ	01	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	9,500	6,000	6,000	5,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	VL1	NV2	Đồng ý
22	020046	02	Nguyễn Lê Hồng Ân	Nữ	08	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,500	9,000	8,000			3,100	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
23	020047	02	Hồ Thái Bảo	Nam	22	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	6,000	6,250	2,000			TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	VL1		Đồng ý
24	020048	02	Huỳnh Gia Bảo	Nam	02	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	7,500	6,000		V	4,600	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TI2	Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG



Nguyễn Nhựt Trường



Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

Phòng thi: 03

BẢNG GHI ĐIỂM THI

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỞNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI					NGUYÊN VỌNG THPT			NGUYÊN VỌNG CHUYÊN				
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TQM, NGŨ VĂN, TIN HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020049	03	Nguyễn Chân Bảo	Nam	22	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	7,500	7,250			2,500	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	HH1		Đồng ý
2	020050	03	Nguyễn Lê Duy Bảo	Nam	30	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					8,000	8,500	7,750			4,875	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
3	020051	03	Trần Quốc Bảo	Nam	18	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Thống Linh	T	G	G	2022					7,250	8,375	8,500		V	8,750	TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý
4	020052	03	Trần Nguyễn Khánh Bằng	Nữ	14	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,000	3,125	4,500		4,250	1,400	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	NV1	TA2	Đồng ý
5	020053	03	Trịnh Ngọc Khánh Bằng	Nữ	24	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Tú	T	G	G	2022					9,000	8,125	9,000		3,500	5,750	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý
6	020054	03	Cao Bảo Châu	Nữ	12	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	6,250	7,250		5,250	2,300	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
7	020055	03	Lê Nguyễn Minh Châu	Nữ	05	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					9,000	9,875	9,000		6,250	9,375	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý
8	020056	03	Nguyễn Ngọc Minh Châu	Nữ	15	03	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	6,250	7,500		4,500	5,250	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý
9	020057	03	Phạm Ngọc Minh Châu	Nữ	09	12	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,750	4,875	7,000		5,000	1,100	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1	TA2	Đồng ý
10	020058	03	Trần Ngọc Bảo Châu	Nữ	23	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	9,000	7,750	7,500		4,900	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	VL1	TA2	Đồng ý
11	020059	03	Trần Thị Hồng Châu	Nữ	21	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS Mỹ Quý	T	G	G	2022					8,750	5,000	7,250		6,250		Tháp Mười	TM1		NQD	NV1		Đồng ý
12	020060	03	Nguyễn Đạt Chí	Nam	09	08	2007	Kiên Giang	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Tú	T	G	G	2022					6,750	5,250	5,000		3,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Đồng ý
13	020061	03	Huỳnh Huy Cường	Nam	25	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	9,750	10,000		9,750	7,700	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TO1	TA2	Đồng ý
14	020062	03	Huỳnh Quốc Cường	Nam	21	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	6,375	6,750			5,750	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
15	020063	03	Huỳnh Hạo Dân	Nam	16	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Hồng Ngự	THCS An Thạnh	T	G	G	2022					8,000	5,875	10,000		6,750		TP Hồng Ngự	HN11	CVA2	NQD	TO1		Không đồng ý
16	020064	03	Lê Ngọc Diễm	Nữ	07	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	Thanh Bình	THCS Phú Lợi	T	G	G	2022					6,250	3,375	8,500	5,500			Thanh Bình	TB11		NQD	SH1		Không đồng ý
17	020065	03	Nguyễn Phạm Ngọc Diễm	Nữ	29	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	4,125	4,500		4,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Đồng ý
18	020066	03	Nguyễn Thị Hồng Diễm	Nữ	17	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					8,250	6,000	7,000		4,500		TP Cao Lãnh	THD1	TQT2	NQD	NV1		Đồng ý
19	020067	03	Lê Hoàng Vương Dung	Nữ	24	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					8,250	8,875	8,250		3,500	5,200	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý
20	020068	03	Võ Trần Kim Dung	Nữ	06	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	9,250	8,500		6,250	7,800	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TA1	NV2	Đồng ý
21	020069	03	Châu Nguyễn Thanh Duy	Nam	01	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Chí Thanh	T	G	G	2022					7,000	8,500	8,750	7,000	8,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	VL1	TI2	Đồng ý
22	020070	03	Lê Trần Phương Duy	Nữ	12	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	9,500	9,000			5,800	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
23	020071	03	Lương Đức Duy	Nam	23	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	10,000	6,750		2,500	6,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TO2	Đồng ý
24	020072	03	Ngô Cao Khánh Duy	Nam	08	09	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Hồng Ngự	THCS An Thạnh	T	G	G	2022					9,000	9,125	6,500			5,625	TP Hồng Ngự	CVA1	HN12	NQD	HH1		Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG



Nguyễn Nhựt Trường



Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

Phòng thi: 04

HD coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

BẢNG GHI ĐIỂM THI

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỞNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYỄN VỌNG THPT			NGUYỄN VỌNG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGỮ VĂN	TIẾNG ANH	TÓÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TÓÁN, NGỮ VĂN, TIN HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020073	04	Nguyễn Minh Duy	Nam	09	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	8,500	9,000	8,250			TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	SH1		Đồng ý
2	020074	04	Trần Phúc Duy	Nam	16	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	8,750	8,750	2,250	5,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	VL2	Đồng ý
3	020075	04	Trương Nhuận Duy	Nam	18	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					6,000	4,500	5,750	4,000			H.Cao Lãnh	CL11		NQD	VL1		Đồng ý
4	020076	04	Đỗ Tấn Dũng	Nam	14	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	6,625	6,250		4,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
5	020077	04	Huỳnh Trí Dũng	Nam	23	05	2007	Bình Dương	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,000	9,250	8,750		7,200		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
6	020078	04	Mai Quốc Dũng	Nam	11	08	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,000	6,750	6,750		5,000	4,900	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1	TA2	Đồng ý
7	020079	04	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	11	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	9,125	10,000		5,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
8	020080	04	Đặng Hà Khánh Dư	Nữ	26	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	Thanh Bình	THCS An Phong	T	G	G	2022					7,000	7,500	8,500		3,250	2,000	Thanh Bình	TB11	TB22	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
9	020081	04	Văn Thuỳ Dương	Nữ	17	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	5,000	9,000		6,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
10	020082	04	Huỳnh Hữu Đăng	Nam	18	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	4,500	7,000		3,750	7,500	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	HH1	TO2	Đồng ý
11	020083	04	Nguyễn Lê Anh Đào	Nữ	14	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,750	3,750	2,500		1,500	2,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TO2	Đồng ý
12	020084	04	Đỗ Lê Đạt	Nam	21	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	4,750	7,250	1,750	5,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	VL2	Đồng ý
13	020085	04	Mai Quốc Đạt	Nam	11	08	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,750	8,625	6,500		7,000	5,500	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TI2	Đồng ý
14	020086	04	Nguyễn Minh Đạt	Nam	06	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Tân Hội Trung	T	G	G	2022					7,750	9,500	9,000		5,900		H.Cao Lãnh	CL11	KV2	NQD	TA1		Đồng ý
15	020087	04	Nguyễn Quốc Đạt	Nam	14	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Hồng Ngự	THCS An Thạnh	T	G	G	2022					7,500	8,000	6,750	7,750			TP Hồng Ngự	HN11	CVA2	NQD	SH1		Đồng ý
16	020088	04	Nguyễn Tấn Đạt	Nam	09	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	7,000	5,750	3,500			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1		Đồng ý
17	020089	04	Phan Minh Đạt	Nam	03	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS TT Mỹ An	T	G	G	2022					7,750	8,000	9,000	3,750			Tháp Mười	TM1		NQD	VL1		Đồng ý
18	020090	04	Phạm Phúc Thành Đạt	Nam	11	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					4,750	7,000	7,250		5,250	1,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	HH2	Đồng ý
19	020091	04	Trần Minh Đạt	Nam	29	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	7,500	9,000	2,250	4,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	SH2	Đồng ý
20	020092	04	Trần Quốc Đạt	Nam	01	03	2007	An Giang	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Trần Đại Nghĩa	T	G	G	2022					5,750	8,750	8,500	9,000			TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	VL1		Đồng ý
21	020093	04	Trần Tấn Đạt	Nam	29	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tân Hồng	THCS và THPT Tân Thành	T	G	G	2022					6,000	7,125	7,250		1,600		Tân Hồng	TTh1		NQD	TA1		Đồng ý
22	020094	04	Vô Tấn Đạt	Nam	26	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					4,750	3,750	1,000		3,250	V	H.Cao Lãnh	CL11		NQD	HH1	NV2	Đồng ý
23	020095	04	Lê Hải Đăng	Nam	28	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	8,250	8,000		6,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
24	020096	04	Nguyễn Khoa Đăng	Nam	14	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	7,000	8,000		5,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG



Nguyễn Nhựt Trường



Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

Phòng thi: 05

BẢNG GHI ĐIỂM THI

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỞNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI					NGUYÊN VONG THPT			NGUYÊN VONG CHUYÊN				
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN, NGŨ VĂN, TIN HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020097	05	Quách Khả Đăng	Nam	08	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	9,500	7,000	7,750		4,600	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	VL1	TA2	Đồng ý
2	020098	05	Phạm Quang Điền	Nam	29	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	9,000	9,000		6,500	2,900	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
3	020099	05	Dương Hồng Đức	Nam	22	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Phạm Hữu Lầu	T	G	G	2022					7,000	8,250	10,000		8,250	V	TP Cao Lãnh	THD1	TPCL2	NQD	TO1	HH2	Đồng ý
4	020100	05	Châu Nguyễn Châu Giang	Nữ	29	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Mỹ Hiệp	T	G	G	2022					7,250	5,750	8,500	6,250	4,750		H.Cao Lãnh	CL21	NVK2	NQD	TO1	SH2	Đồng ý
5	020101	05	Lê Trương Hà Giang	Nữ	03	10	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					7,750	4,625	6,500	4,750			TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	SH1		Đồng ý
6	020102	05	Nguyễn Phúc Giang	Nam	23	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Nguyễn Minh Trí	T	G	G	2022					8,500	5,250	9,000		6,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
7	020103	05	Nguyễn Trần Kim Hương Giang	Nữ	07	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	8,000	8,000			2,100	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
8	020104	05	Võ Trần Khánh Giao	Nữ	21	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	5,125	7,000		5,000	4,250	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1	TO2	Không đồng ý
9	020105	05	Đặng Thị Tuyết Giàu	Nữ	08	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					8,750	6,375	7,500	4,500	5,750		TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	SH1	NV2	Đồng ý
10	020106	05	Lâm Sơn Hà	Nam	18	03	2007	An Giang	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					8,250	9,875	9,250			8,700	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
11	020107	05	Lê Minh Ngọc Hà	Nữ	04	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					4,000	6,500	4,000			3,400	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
12	020108	05	Lê Võ Hồng Hà	Nữ	07	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,000	8,500	9,000		5,250	4,850	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TO2	Đồng ý
13	020109	05	Nguyễn Phạm Hồng Hà	Nữ	26	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Bình Thạnh	T	G	G	2022					6,500	8,750	8,500		6,500		H.Cao Lãnh	CL21		NQD	TO1		Đồng ý
14	020110	05	Trần Ngọc Phương Hà	Nữ	16	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	8,375	7,250		6,750	3,900	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	NV1	TA2	Đồng ý
15	020111	05	Trần Nguyễn Khánh Hà	Nữ	18	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	7,500	7,750			3,500	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
16	020112	05	Đặng Nhật Hào	Nam	10	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	6,875	8,750		5,750	V	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	HH2	Đồng ý
17	020113	05	Nguyễn Anh Hào	Nam	25	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	7,000	5,750		5,750	8,500	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý
18	020114	05	Nguyễn Viết Hào	Nam	01	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,250	6,500	8,000		0,000	2,100	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1	TA2	Đồng ý
19	020115	05	Trần Anh Hào	Nam	31	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	8,000	8,000	3,250		6,500	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	VL1	TA2	Đồng ý
20	020116	05	Võ Minh Hào	Nam	15	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	Lấp Vò	THCS Tân Mỹ	T	G	G	2022					8,000	9,250	9,500	7,000			Lấp Vò	LV021		NQD	VL1		Không đồng ý
21	020117	05	Chung Tấn Hải	Nam	29	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	7,625	7,500		3,500	2,300	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1	TA2	Đồng ý
22	020118	05	Lê Phú Hào	Nam	21	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	8,125	9,000		4,750	8,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý
23	020119	05	Nguyễn Thị Tú Hào	Nữ	13	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Nhị Mỹ	T	G	G	2022					7,250	7,250	8,500	2,000	6,500		TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TO1	VL2	Đồng ý
24	020120	05	Dương Hồ Khánh Hạ	Nữ	13	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Thống Linh	T	G	G	2022					7,000	8,125	8,000			3,600	TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	TA1		Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG

Nguyễn Nhựt Trương

Nguyễn Nhựt Trương



Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Phòng thi: 06

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỜNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYỄN VỌNG THPT			NGUYỄN VỌNG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN, NGŨ VĂN, TIN HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020121	06	Dương Phan Nhật Hạ	Nữ	14	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					5,750	4,750	7,500	0,500			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	VL1		Đồng ý
2	020122	06	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	18	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,500	8,250	6,750		2,300		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
3	020123	06	Trần Thị Mỹ Hạnh	Nữ	19	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Phương Trà	T	G	G	2022					8,250	9,250	9,000	8,250			H.Cao Lãnh	TL11		NQD	VL1		Đồng ý
4	020124	06	Lưu Mỹ Hằng	Nữ	31	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					5,750	5,750	5,750		3,250	1,600	TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	NV1	TA2	Đồng ý
5	020125	06	Nguyễn Thị Thuý Hằng	Nữ	11	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	4,250	8,000		4,250	4,250	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	HH2	Đồng ý
6	020126	06	Phạm Thị Thanh Hằng	Nữ	27	10	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Thanh Bình	THCS Thanh Bình	T	G	G	2022					8,500	9,675	8,250		8,000		Thanh Bình	TB11		NQD	HH1		Đồng ý
7	020127	06	Võ Nguyễn Phước Hằng	Nữ	24	11	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	9,625	9,000		7,800		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
8	020128	06	Hồ Nguyễn Bảo Hân	Nữ	01	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Hồng Ngự	THCS An Thạnh	T	G	G	2022					6,750	4,000	6,000		6,250		TP Hồng Ngự	HN11	CVA2	NQD	NV1		Không đồng ý
9	020129	06	Huỳnh Đình Lê Hân	Nữ	10	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	6,750	8,500		4,500	2,750	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	HH2	Đồng ý
10	020130	06	La Gia Hân	Nữ	13	08	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,750	9,250	9,000		5,300		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
11	020131	06	Ngô Khả Hân	Nữ	20	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Trần Đại Nghĩa	T	G	G	2022					7,750	7,250	6,250		1,800		TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	TA1		Đồng ý
12	020132	06	Nguyễn Duy Hân	Nam	22	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Trần Đại Nghĩa	T	G	G	2022					8,000	8,000	7,500		4,700		TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	TA1		Đồng ý
13	020133	06	Nguyễn Gia Hân	Nữ	21	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	K	K	2022					5,250	6,750	4,750		2,600		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
14	020134	06	Nguyễn Minh Hân	Nam	04	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tân Hồng	THCS Nguyễn Văn Tiếp	T	G	G	2022	VS			0,5	7,500	7,750	10,000		8,000		Tân Hồng	THg1	GTD2	NQD	TO1		Không đồng ý
15	020135	06	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	26	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	7,250	6,000	3,500			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1		Đồng ý
16	020136	06	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	27	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	9,375	8,750		5,500	3,800	TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	TA1	TO2	Đồng ý
17	020137	06	Nguyễn Ngọc Mai Hân	Nữ	05	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tân Hồng	THCS Nguyễn Văn Tiếp	T	G	G	2022	VS			0,5	8,750	9,625	9,250		4,400		Tân Hồng	THg1		NQD	TA1		Đồng ý
18	020138	06	Trần Gia Hân	Nữ	22	12	2007	Cà Mau	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Bình Hàng Tây	T	G	G	2022					8,000	10,000	9,000		5,250	8,100	H.Cao Lãnh	CL21	NVK2	NQD	TA1	TO2	Không đồng ý
19	020139	06	Trần Gia Hân	Nữ	25	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					8,750	9,000	9,000		8,900		H.Cao Lãnh	CL11	KV2	NQD	TA1		Đồng ý
20	020140	06	Trần Ngọc Hân	Nữ	22	12	2007	Cà Mau	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Bình Hàng Tây	T	G	G	2022					6,750	9,750	9,000		2,250	7,900	H.Cao Lãnh	CL21	NVK2	NQD	TA1	TO2	Không đồng ý
21	020141	06	Trần Nguyễn Gia Hân	Nữ	12	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,500	8,500	8,000		5,000	1,700	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1	TA2	Đồng ý
22	020142	06	Võ Ngọc Hân	Nữ	10	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	Lấp Vò	THCS Mỹ An Hưng B	T	G	G	2022					7,500	5,125	9,000	9,000			Lấp Vò	LVO21		NQD	SH1		Không đồng ý
23	020143	06	Nguyễn Trung Hậu	Nam	11	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,250	4,875	8,250		0,625		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
24	020144	06	Trang Võ Trung Hậu	Nam	14	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tân Hồng	THCS Nguyễn Văn Tiếp	T	G	G	2022					7,750	7,250	9,500		7,500		Tân Hồng	THg1	GTD2	NQD	TO1		Không đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG



Nguyễn Nhựt Trường



Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI


PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HD chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

Phòng thi: 07

HD coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

BẢNG GHI ĐIỂM THI

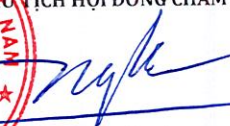
SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỞNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYỄN VỌNG THPT			NGUYỄN VỌNG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TÓA, NGŨ VĂN, TIN HỌC	HOA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020145	07	Nguyễn Quang Thanh Hiền	Nữ	12	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					9,000	7,625	6,750	8,750	4,000		TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	SH1	TO2	Đồng ý
2	020146	07	Huỳnh Thế Hiền	Nam	10	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	Thanh Bình	THCS Tân Bình	T	G	G	2022					6,750	8,500	10,000		7,000	3,800	Thanh Bình	TB21		NQD	TO1	TA2	Đồng ý
3	020147	07	Lê Anh Hiền	Nam	22	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					6,250	5,500	6,250	0,500	4,000		H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TO1	VL2	Đồng ý
4	020148	07	Lưu Thái Hiền	Nam	14	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,000	5,250	5,250	1,750	4,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1	VL2	Đồng ý
5	020149	07	Trần Minh Hiền	Nam	26	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					5,250	6,000	5,250		0,000		H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TI1		Đồng ý
6	020150	07	Lê Minh Hiếu	Nam	11	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,250	8,625	8,750		8,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý
7	020151	07	Nguyễn Dương Minh Hiếu	Nam	06	02	2007	TP Cần Thơ	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	8,625	9,250		6,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
8	020152	07	Phan Phương Hiếu	Nữ	08	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	7,125	8,500		4,500	3,100	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TA1	TO2	Đồng ý
9	020153	07	Trần Văn Trung Hiếu	Nam	16	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	7,500	8,500	7,500	6,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	VL1	TI2	Đồng ý
10	020154	07	Lê Hồng Hoan	Nam	11	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,000	5,750	8,750		5,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý
11	020155	07	Lê Nguyễn Huy Hoàng	Nam	18	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	Thanh Bình	THCS Bình Thành	T	G	G	2022					7,750	9,875	8,500		6,750	7,700	Thanh Bình	TB11		NQD	TA1	NV2	Không đồng ý
12	020156	07	Nguyễn Thái Hoàng	Nam	16	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	8,000	8,250		4,500	6,300	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
13	020157	07	Nguyễn Thị Mai Hồng	Nữ	10	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Mỹ Long	T	G	G	2022					8,750	7,750	9,000		6,750		H.Cao Lãnh	CL21	NVK2	NQD	TO1		Không đồng ý
14	020158	07	Lê Thị Diệu Huệ	Nữ	03	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Trãi	T	G	G	2022					7,750	5,500	7,750		6,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TO1		Đồng ý
15	020159	07	Bùi Nguyễn Trường Huy	Nam	19	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	7,750	7,750			6,500	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
16	020160	07	Đỗ Quang Huy	Nam	30	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	7,875	9,000	3,500	6,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	VL2	Đồng ý
17	020161	07	Hồ Hoàng Huy	Nam	14	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	7,750	9,000	7,500	5,000		TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	VL1	TI2	Đồng ý
18	020162	07	Hồ Quốc Huy	Nam	20	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	6,375	9,750		5,250	7,750	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý
19	020163	07	Lê Bảo Huy	Nam	15	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Phạm Hữu Lầu	T	G	G	2022					7,500	9,625	8,000			5,200	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TA1		Đồng ý
20	020164	07	Lê Trần Hoàng Huy	Nam	24	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Thống Linh	T	G	G	2022					7,500	4,500	7,250		0,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý
21	020165	07	Nguyễn Gia Huy	Nam	20	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	6,375	8,500			7,875	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
22	020166	07	Nguyễn Gia Huy	Nam	15	03	2007	An Giang	Kinh	Lấp Vò	THCS Mỹ An Hưng B	T	G	G	2022					7,250	5,500	7,500		2,000		Lấp Vò	LV021		NQD	TI1		Đồng ý
23	020167	07	Nguyễn Thanh Huy	Nam	18	02	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Nguyễn Minh Trí	T	G	G	2022					6,000	8,000	8,000			9,500	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	HH1		Đồng ý
24	020168	07	Nguyễn Thanh Huy	Nam	02	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					8,750	9,750	9,000	7,250			H.Cao Lãnh	CL11		NQD	SH1		Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG



Nguyễn Nhựt Trường

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

Phòng thi: 08

BẢNG GHI ĐIỂM THI

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỜNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYỄN VỌNG THPT			NGUYỄN VỌNG CHUYÊN				
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN	
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN NGŨ VĂN, TIN HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH								
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	
1	020169	08	Nguyễn Trần Nhật Huy	Nam	19	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tam Nông	THCS An Hòa	T	G	G	2022					7,500	8,000	9,000		3,000	6,375	TP Hồng Ngự	HN11	CVA2	NQD	TO1	HH2	Đồng ý	
2	020170	08	Nguyễn Vũ Quang Huy	Nam	24	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					7,500	8,875	10,000		6,750	3,250	H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TO1	HH2	Đồng ý	
3	020171	08	Trần Lê Anh Huy	Nam	19	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,000	7,750	7,500	7,250			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	VL1		Đồng ý	
4	020172	08	Trần Nguyễn Bảo Huy	Nam	25	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Sa Đéc	THCS Hùng Vương	T	G	G	2022					7,000	6,750	7,250		5,000		Lấp Vò	LV021		NQD	TO1		Không đồng ý	
5	020173	08	Trần Tuấn Huy	Nam	23	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					7,000	8,250	9,000			6,875	H.Cao Lãnh	CL11		NQD	HH1		Đồng ý	
6	020174	08	Đỗ Chí Huỳnh	Nam	04	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	K	K	2022					5,750	5,500	6,250	2,500			TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	VL1		Đồng ý	
7	020175	08	Nguyễn Mai Huỳnh	Nữ	09	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					8,000	8,250	9,000	8,500			H.Cao Lãnh	CL11	NVK2	NQD	VL1		Đồng ý	
8	020176	08	Trần Thị Như Huỳnh	Nữ	09	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					8,000	9,375	9,000		5,500	4,800	H.Cao Lãnh	CL11		NQD	NV1	TA2	Đồng ý	
9	020177	08	Trương Nhật Phương Hùng	Nam	30	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	K	K	K	2022					2,250	7,625	4,250		1,000	6,600	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TO2	Đồng ý	
10	020178	08	Hồ Vĩnh Thái Hưng	Nam	13	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,500	9,375	7,250			3,800	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý	
11	020179	08	Lê Trần Gia Hưng	Nam	31	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	7,375	8,250		5,900		TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TI1		Đồng ý	
12	020180	08	Trần Tuấn Hưng	Nam	27	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	6,625	6,750		4,500	3,600	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý	
13	020181	08	Nguyễn Lê Quỳnh Hương	Nữ	25	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	5,500	9,000	1,250			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1		Đồng ý	
14	020182	08	Nguyễn Ngọc Thảo Hương	Nữ	08	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Trãi	T	G	G	2022					8,250	6,375	7,500		2,500	6,000	TP Cao Lãnh	THD1		NQD	HH1	TO2	Đồng ý	
15	020183	08	Trần Thị Xuân Hương	Nữ	02	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					6,000	3,500	6,000			1,125	H.Cao Lãnh	CL11		NQD	HH1		Đồng ý	
16	020184	08	Bùi Cao Nhật Hường	Nữ	27	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	7,875	9,000			5,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý	
17	020185	08	Trần Minh Hường	Nam	22	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	Lấp Vò	THCS Mỹ An Hưng B	T	G	G	2022					8,250	9,750	9,000		10,000	7,800	Lấp Vò	LV021		NQD	TA1	TI2	Không đồng ý	
18	020186	08	Nguyễn Tấn Hữu	Nam	16	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,500	7,375	7,500		5,000	3,100	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1	TA2	Đồng ý	
19	020187	08	Đỗ Gia Khang	Nam	14	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,250	8,250	8,500		7,500	2,800	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1	TA2	Đồng ý	
20	020188	08	Huỳnh Hoàng Khang	Nam	07	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					6,000	8,875	7,500		3,000		H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TO1		Đồng ý	
21	020189	08	Lê Minh Khang	Nam	17	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,750	8,500	8,000	2,500			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1		Đồng ý	
22	020190	08	Lê Phúc Khang	Nam	25	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Thống Linh	T	G	G	2022					7,500	8,250	10,000		5,750	8,375	TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý	
23	020191	08	Nguyễn Minh Khang	Nam	22	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,250	6,375	3,250	3,750			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1		Đồng ý	
24	020192	08	Nguyễn Nhất Khang	Nam	09	03	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					4,750	4,125	5,750	2,000			H.Cao Lãnh	CL11		NQD	SH1		Đồng ý	

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG



Nguyễn Nhựt Trường



Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Phòng thi: 09

HD coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỜNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYỄN VỌNG THPT			NGUYỄN VỌNG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN, NGỮ VĂN, TIN HỌC	HOA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020193	09	Phạm Phước Khang	Nam	15	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	3,750	7,250		2,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý
2	020194	09	Thái Duy Khang	Nam	02	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,000	7,500	5,500		2,000	2,200	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1	TA2	Đồng ý
3	020195	09	Trương Minh Khang	Nam	11	02	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	9,875	9,000		5,500	7,200	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TO2	Đồng ý
4	020196	09	Trương Lê Hồng Khanh	Nữ	04	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					8,750	9,000	8,500		5,750		TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	NV1		Đồng ý
5	020197	09	Đặng Thái Thiên Khải	Nam	17	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,000	5,750	8,500	7,500	5,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	VL1	TO2	Đồng ý
6	020198	09	Mai Duy Khánh	Nam	05	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	6,000	7,250	2,500			TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	VL1		Đồng ý
7	020199	09	Phạm Quốc Khánh	Nam	19	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Chí Thanh	T	G	G	2022					8,000	5,375	9,000	3,000			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1		Đồng ý
8	020200	09	Huỳnh Gia Khiêm	Nam	27	04	2007	An Giang	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	2,500	2,000	1,250	5,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1	SH2	Đồng ý
9	020201	09	Châu Đăng Khoa	Nam	05	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Thọ	T	G	G	2022					8,000	9,375	7,500		5,500	7,700	H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TA1	NV2	Đồng ý
10	020202	09	Đinh Nhựt Duy Khoa	Nam	18	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	K	K	2022					4,750	4,250	5,750	4,500			TP Cao Lãnh	THD1	DCT2	NQD	SH1		Đồng ý
11	020203	09	Đỗ Trần Đăng Khoa	Nam	08	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,750	7,875	9,000		6,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
12	020204	09	Huỳnh Thị Yến Khoa	Nữ	05	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Chí Thanh	T	G	G	2022					7,000	6,625	8,500		5,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	TO1		Đồng ý
13	020205	09	Lâm Trần Duy Khoa	Nam	04	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	7,250	8,750		2,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý
14	020206	09	Lê Ngọc Yến Khoa	Nữ	26	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	5,125	7,250		5,500	V	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	HH2	Đồng ý
15	020207	09	Lê Nguyễn Đăng Khoa	Nam	16	11	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,500	5,375	6,750		5,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
16	020208	09	Lý Đăng Khoa	Nam	12	12	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					2,500	3,500	6,500		1,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
17	020209	09	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	05	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Trãi	T	G	G	2022					6,750	7,750	9,250		5,500		TP Cao Lãnh	THD1		NQD	TO1		Đồng ý
18	020210	09	Nguyễn Thái Khoa	Nam	21	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	K	K	2022					6,250	3,750	6,500		1,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Đồng ý
19	020211	09	Nguyễn Tuấn Khoa	Nam	06	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	6,125	6,000		5,250	2,900	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1	TA2	Đồng ý
20	020212	09	Tổng Đăng Duy Khoa	Nam	18	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,750	7,250	8,500		0,500	2,600	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TA1	TI2	Đồng ý
21	020213	09	Trần Đăng Khoa	Nam	06	02	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Thọ	T	G	G	2022					6,500	4,750	7,000	2,500			H.Cao Lãnh	CL11		NQD	SH1		Đồng ý
22	020214	09	Lê Minh Khôi	Nam	27	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Phạm Hữu Lầu	T	G	G	2022					6,250	5,625	8,000	4,250			TP Cao Lãnh	THD1	DCT2	NQD	VL1		Đồng ý
23	020215	09	Nguyễn Hoàng Đăng Khôi	Nam	17	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	9,750	8,750		7,800		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
24	020216	09	Nguyễn Phúc Anh Khôi	Nam	10	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	8,125	7,750	2,250	3,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TO1	VL2	Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG



Nguyễn Nhựt Trường

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
 Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Phòng thi: 10

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỜNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI					NGUYÊN VỌNG THPT			NGUYÊN VỌNG CHUYÊN				
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN		HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN	
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TỔNG NGŨ VĂN, TIN HỌC								HOA HỌC, TIẾNG ANH
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020217	10	Trần Nguyễn Minh Khôi	Nam	29	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS Mỹ Quý	T	G	G	2022					7,750	8,500	9,000		5,500		Tháp Mười	MQ1		NQD	TO1		Đồng ý
2	020218	10	Võ Huỳnh Minh Khôi	Nam	11	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	K	K	2022					7,000	9,250	2,250		3,900		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
3	020219	10	Nguyễn Đông Khuê	Nữ	01	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	9,125	9,000		3,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
4	020220	10	Nguyễn Ngọc Minh Khuê	Nữ	11	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	8,875	7,250		5,750	3,600	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý
5	020221	10	Nguyễn Thị Minh Khuê	Nữ	22	04	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Tú	T	G	G	2022					7,250	5,000	8,250	5,500			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	VL1		Đồng ý
6	020222	10	Phan Nguyễn Minh Khuê	Nữ	04	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	8,875	9,500		6,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
7	020223	10	Vũ Mai Minh Khuê	Nữ	24	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					8,250	8,875	9,000		7,250		TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	NV1		Đồng ý
8	020224	10	Nguyễn Bảo Khương	Nam	20	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Trãi	T	G	G	2022					8,000	5,000	9,000		5,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TO1		Đồng ý
9	020225	10	Nguyễn Ngọc Hoàng Khương	Nữ	06	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					8,750	9,250	8,000		4,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
10	020226	10	Huỳnh Lê Kiên	Nam	14	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					8,000	7,125	9,750		5,750	9,250	TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý
11	020227	10	Lê Hiếu Kiên	Nam	28	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	8,875	10,000	8,250	8,750		TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TO1	VL2	Đồng ý
12	020228	10	Nguyễn Trung Kiên	Nam	02	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,000	8,875	6,000		4,400		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TA1		Đồng ý
13	020229	10	Nguyễn Trung Kiên	Nam	06	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tân Hồng	THCS Nguyễn Văn Tiệp	T	G	G	2022					8,000	5,125	8,250		5,750	1,900	Tân Hồng	THG1	GTD2	NQD	NV1	TA2	Đồng ý
14	020230	10	Phạm Trung Kiên	Nam	12	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Chí Thanh	T	K	K	2022					3,500	4,125	5,250	2,750			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	VL1		Đồng ý
15	020231	10	Trần Trung Kiên	Nam	01	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Hồng Ngự	THCS An Thạnh	T	G	G	2022					7,000	8,250	8,750		4,900		TP Hồng Ngự	HN11	CVA2	NQD	TA1		Đồng ý
16	020232	10	Hồ Quốc Kiệt	Nam	27	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Tú	T	G	G	2022					3,500	7,250	8,250	4,250			TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	SH1		Đồng ý
17	020233	10	Lê Tuấn Kiệt	Nam	13	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	7,375	9,000		5,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TO1		Đồng ý
18	020234	10	Mai Tuấn Kiệt	Nam	20	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Thọ	T	G	G	2022					7,250	9,250	7,500		2,750	4,000	H.Cao Lãnh	CL11	KV2	NQD	TA1	TO2	Đồng ý
19	020235	10	Nguyễn Tấn Kiệt	Nam	06	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	9,000	8,500		8,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý
20	020236	10	Trần Anh Kiệt	Nam	02	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	8,250	8,000	7,500	V		TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	VL1	TO2	Đồng ý
21	020237	10	Bùi Trần Thiên Kim	Nữ	16	10	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Thọ	T	G	G	2022					8,000	8,500	8,750		5,000		H.Cao Lãnh	CL11	KV2	NQD	NV1		Đồng ý
22	020238	10	Lý Mạnh Thiên Kim	Nữ	16	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	9,125	8,250	7,750			TP Cao Lãnh	DCT1	TPCL2	NQD	SH1		Đồng ý
23	020239	10	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	Nữ	06	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	8,750	8,000		5,200		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
24	020240	10	Trần Quốc Mỹ Kim	Nữ	22	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	7,375	7,500		4,600		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG



Nguyễn Nhựt Trường



Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI


PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

Phòng thi: 11

BẢNG GHI ĐIỂM THI

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THI SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỜNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYÊN VỌNG THPT			NGUYÊN VỌNG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN, NGŨ VĂN, TIN HỌC	HOA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020241	11	Lê Trương Trúc Lam	Nữ	23	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,500	5,500	5,500	2,750			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1		Đồng ý
2	020242	11	Lê Tường Lam	Nữ	18	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	3,250	7,750		2,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý
3	020243	11	Trần Nhật Tường Lam	Nữ	23	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Phương Trà	T	G	G	2022					8,000	7,250	8,250		5,000		H.Cao Lãnh	TL11		NQD	TO1		Đồng ý
4	020244	11	Nguyễn Trần Phương Lan	Nữ	07	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,750	8,375	7,250	5,250	1,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1	TO2	Đồng ý
5	020245	11	Nguyễn Xuân Lan	Nữ	19	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					8,750	9,500	9,000		7,900		H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TA1		Đồng ý
6	020246	11	Hồ Duy Lâm	Nam	07	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	K	K	2022					5,750	5,875	8,750		2,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TO1		Đồng ý
7	020247	11	Trương Đan Lê	Nữ	28	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	K	K	2022					9,000	7,000	6,250			3,800	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
8	020248	11	Nguyễn Đỗ Khánh Linh	Nữ	07	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,500	2,250	1,000	1,250			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	VL1		Đồng ý
9	020249	11	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	29	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,500	9,375	9,250		9,750	7,900	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
10	020250	11	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	04	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Phương Trà	T	G	G	2022					7,000	5,000	6,500		2,000		H.Cao Lãnh	TL11		NQD	TO1		Đồng ý
11	020251	11	Phan Nguyễn Khánh Linh	Nữ	24	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					8,250	8,000	7,500	4,250	5,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1	NV2	Đồng ý
12	020252	11	Trương Ngọc Linh	Nữ	10	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	4,375	9,000		5,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
13	020253	11	Lê Thị Trúc Loan	Nữ	22	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	8,875	8,500		5,500	2,900	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1	TA2	Đồng ý
14	020254	11	Mai Lê Thiên Long	Nam	12	10	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					3,750	4,500	6,750		4,125		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
15	020255	11	Nguyễn Hoàng Long	Nam	03	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	9,375	9,000		8,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
16	020256	11	Nguyễn Hoàng Long	Nam	01	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	6,500	7,250		5,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý
17	020257	11	Lê Trần Thiên Lộc	Nam	03	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS Trường Xuân	T	G	G	2022					8,000	9,250	8,250		7,800		Tháp Mười	TM1		NQD	TA1		Đồng ý
18	020258	11	Nguyễn Văn Lợi	Nam	18	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Chí Thanh	T	G	G	2022					6,000	5,750	6,250		3,250		TP Cao Lãnh	DCT1	THD2	NQD	TO1		Đồng ý
19	020259	11	Huỳnh Nguyễn Minh Luân	Nam	24	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Phạm Hữu Lầu	T	G	G	2022					6,500	5,500	7,750	4,250	V		TP Cao Lãnh	THD1	DCT2	NQD	VL1	TO2	Đồng ý
20	020260	11	Trần Hữu Luân	Nam	25	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Hồng Ngự	THCS An Thạnh	T	G	G	2022					8,250	9,500	7,750		4,750	5,600	TP Hồng Ngự	HN11	CVA2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý
21	020261	11	Trần Nguyễn Thảo Ly	Nữ	06	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					7,500	7,375	8,500	4,500			TP Cao Lãnh	TPCL1	CL12	NQD	VL1		Đồng ý
22	020262	11	Bùi Thị Trúc Mai	Nữ	02	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS Hưng Thạnh	T	K	K	2022					6,750	3,000	5,750	2,250			Tháp Mười	TX1	MQ2	NQD	VL1		Đồng ý
23	020263	11	Phan Nguyễn Xuân Mai	Nữ	20	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tam Nông	THCS Phú Ninh	T	G	G	2022					3,750	2,500	2,000		0,000		Tam Nông	TN01	PTA2	NQD	TI1		Đồng ý
24	020264	11	Huỳnh Tiến Mạnh	Nam	18	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,000	3,375	7,750	V	5,500		TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TO1	VL2	Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG



Nguyễn Nhựt Trường



Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI


PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

Phòng thi: 12

BẢNG GHI ĐIỂM THI

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỜNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYÊN VONG THPT			NGUYÊN VONG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN, VĂN, TIN HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020265	12	La Tú Mẫn	Nữ	16	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Chí Thanh	T	G	G	2022					7,500	8,250	9,000		5,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
2	020266	12	Lê Đắc Mẫn	Nam	29	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					5,250	7,125	6,500		2,500		TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	TI1		Đồng ý
3	020267	12	Nguyễn Huệ Mẫn	Nữ	28	01	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,500	9,750	10,000		6,800		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
4	020268	12	Trần Nguyễn Gia Mẫn	Nữ	24	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,250	7,250	5,000		2,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
5	020269	12	Đỗ Ngọc Minh	Nữ	28	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	8,625	10,000		6,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
6	020270	12	Huỳnh Nguyễn Khải Minh	Nam	11	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,500	7,500	8,750		5,750	3,900	TP Cao Lãnh	DCT1	THD2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
7	020271	12	Lê Phan Bảo Minh	Nam	09	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,750	7,250	10,000	9,000			TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	SH1		Đồng ý
8	020272	12	Nguyễn Lê Anh Minh	Nam	20	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	8,375	9,000	4,000	5,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	VL2	Đồng ý
9	020273	12	Nguyễn Ngọc Minh	Nữ	23	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	10,000	10,000		9,750		TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	HH1		Đồng ý
10	020274	12	Nguyễn Vĩnh Quang Minh	Nam	19	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,250	9,375	8,750		6,200		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
11	020275	12	Phạm Nguyễn Phúc Minh	Nam	13	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	9,000	8,500		2,500	4,700	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1	TA2	Đồng ý
12	020276	12	Trần Quang Minh	Nam	10	09	2007	An Giang	Kinh	H.Hồng Ngự	THCS Thường Phước 1	T	G	G	2022	VS			0,5	V	V	V		V		H.Hồng Ngự	HN31		NQD	TO1		Không đồng ý
13	020277	12	Võ Hồ Ngọc Minh	Nữ	06	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	9,625	9,000		4,750	6,900	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TO2	Đồng ý
14	020278	12	Võ Long Nhật Minh	Nam	21	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	7,500	9,500		6,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
15	020279	12	Trần Đức Anh Mừng	Nam	14	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					7,000	4,250	9,000		5,250		TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	TO1		Đồng ý
16	020280	12	Lương Nguyễn Trà My	Nữ	16	12	2007	Vĩnh Long	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Mỹ Hiệp	T	G	G	2022					7,500	5,500	6,500		3,250	2,500	H.Cao Lãnh	CL21		NQD	TA1	NV2	Đồng ý
17	020281	12	Nguyễn Hoàng Khánh My	Nữ	26	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,500	10,000	9,250		6,500	7,300	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
18	020282	12	Nguyễn Ngọc Phương My	Nữ	07	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	9,375	8,750		6,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Đồng ý
19	020283	12	Nguyễn Thị Diễm My	Nữ	14	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					9,000	8,000	9,000	6,750			TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	SH1		Đồng ý
20	020284	12	Nguyễn Thị Quỳnh My	Nữ	21	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					7,750	5,375	7,500		4,000	3,500	TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	HH1	TO2	Không đồng ý
21	020285	12	Lê Thị Quốc Mỹ	Nữ	08	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS Mỹ Hòa	T	G	G	2022					7,750	7,000	8,750		5,250		Tháp Mười	TM1		NQD	NV1		Không đồng ý
22	020286	12	Trần Thái Mỹ	Nữ	05	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					7,500	8,250	8,750	4,250			H.Cao Lãnh	CL11		NQD	SH1		Đồng ý
23	020287	12	Trần Thiên Mỹ	Nữ	01	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					9,000	9,500	9,000		8,300		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
24	020288	12	Lê Hoàng Nhựt Nam	Nam	16	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,500	7,375	9,000	9,000			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	VL1		Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG



Nguyễn Nhựt Trường



Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Phòng thi: 13

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỜNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS/ BT THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYÊN VỌNG THPT			NGUYÊN VỌNG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN, NGŨ VĂN, TIN HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020289	13	Nguyễn Thanh Xuân Nam	Nam	01	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tam Nông	THCS Tràm Chim	T	G	G	2022					7,000	4,375	8,500		2,500		Tam Nông	TRC1		NQD	TI1		Không đồng ý
2	020290	13	Phan Nhật Nam	Nam	09	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	9,625	9,000		6,000	6,400	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý
3	020291	13	Trương Mai Hoàng Nam	Nam	13	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	4,125	8,750		6,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
4	020292	13	Nguyễn Thị Ngọc Nền	Nữ	24	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					5,750	6,875	7,250		2,900		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
5	020293	13	Lê Thị Hồng Nga	Nữ	17	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,500	8,500	9,000		5,250	7,625	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý
6	020294	13	Phan Thị Quỳnh Nga	Nữ	11	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,250	5,375	8,000		5,000		TP Cao Lãnh	THD1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý
7	020295	13	Bùi Ngọc Yến Ngân	Nữ	16	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tân Hồng	THCS Thông Bình	T	G	G	2022	VS			0,5	7,750	7,750	9,000	7,500			Tân Hồng	THG1		NQD	SH1		Không đồng ý
8	020296	13	Đặng Đức Khánh Ngân	Nữ	17	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	K	K	2022					4,250	7,625	7,500		2,900		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
9	020297	13	Lê Hoàng Ngân	Nam	23	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,500	5,375	8,250		2,250	2,750	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TO1	HH2	Đồng ý
10	020298	13	Lê Phan Tuyết Ngân	Nữ	31	01	2007	Bình Định	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	7,000	5,250		4,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Đồng ý
11	020299	13	Lê Võ Kim Ngân	Nữ	19	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					7,000	9,250	9,000	5,750		6,700	H.Cao Lãnh	CL11		NQD	SH1	TA2	Đồng ý
12	020300	13	Lương Trần Thanh Ngân	Nữ	30	04	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,750	8,625	8,500	5,000			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	VL1		Đồng ý
13	020301	13	Nguyễn Ngọc Ngân	Nữ	13	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					7,750	9,875	8,250		4,600		TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	TA1		Đồng ý
14	020302	13	Nguyễn Ngọc Thu Ngân	Nữ	26	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Nguyễn Minh Trí	T	G	G	2022					5,500	4,750	5,250	1,000			H.Cao Lãnh	CL11		NQD	VL1		Đồng ý
15	020303	13	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	17	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					8,000	4,625	7,250		7,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Đồng ý
16	020304	13	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	Nữ	25	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Nguyễn Minh Trí	T	G	G	2022					8,000	9,125	8,000		3,600		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
17	020305	13	Nguyễn Trần Kim Ngân	Nữ	25	08	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	3,750	4,000	1,000	4,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1	SH2	Đồng ý
18	020306	13	Nguyễn Vĩnh Minh Ngân	Nữ	12	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	2,750	5,750		0,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
19	020307	13	Thái Phương Ngân	Nữ	06	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,750	9,750	9,000		V	8,500	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý
20	020308	13	Võ Phương Nghi	Nữ	09	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					9,000	9,500	10,000		9,750	6,300	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
21	020309	13	Bùi Tống Hiếu Nghĩa	Nam	13	05	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	9,000	9,000	3,750		8,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TA1	VL2	Đồng ý
22	020310	13	Huỳnh Thị Kim Nghĩa	Nữ	15	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Nguyễn Minh Trí	T	G	G	2022					6,000	5,125	7,750		3,000	2,200	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
23	020311	13	Nguyễn Trung Nghĩa	Nam	27	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS Mỹ Quý	T	G	G	2022					7,250	8,750	9,000		6,625		Tháp Mười	MQ1		NQD	HH1		Đồng ý
24	020312	13	Trần Trọng Nghĩa	Nam	30	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,500	9,375	8,750		6,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TO1		Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG

(Chữ ký)

Nguyễn Nhựt Trường

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
 Nguyễn Minh Tâm

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Phòng thi: 14

HD coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THI SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỜNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYÊN VONG THPT			NGUYÊN VONG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN, NGŨ VĂN, TIN HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020313	14	Trương Hoàng Nghĩa	Nam	21	06	2007	An Giang	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	6,625	8,250		4,750	0,875	TP Cao Lãnh	TPCL1	DC22	NQD	TO1	HH2	Đồng ý
2	020314	14	Trần Hữu Nghị	Nam	18	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	9,125	10,000	6,250	7,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DC22	NQD	TO1	VL2	Đồng ý
3	020315	14	Dương Ánh Ngọc	Nữ	06	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	7,000	9,500		6,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	HH1		Đồng ý
4	020316	14	Đỗ Xuân Ngọc	Nữ	03	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,500	8,000	8,250	6,000		4,400	TP Cao Lãnh	TPCL1	DC22	NQD	VL1	TA2	Đồng ý
5	020317	14	Hồ Như Ngọc	Nữ	07	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	4,500	6,500		2,500		TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TI1		Đồng ý
6	020318	14	Huỳnh Phạm Bảo Ngọc	Nữ	18	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	8,000	8,750		7,000	8,375	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	HH1	TO2	Đồng ý
7	020319	14	Ngô Bảo Ngọc	Nữ	03	04	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					4,500	8,625	8,000		1,900		TP Cao Lãnh	TPCL1	DC22	NQD	TA1		Đồng ý
8	020320	14	Ngô Thiên Ngọc	Nữ	26	08	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Tháp Mười	THCS TT Mỹ An	T	G	G	2022					7,750	9,875	9,000		6,625		Tháp Mười	TM1		NQD	HH1		Đồng ý
9	020321	14	Nguyễn Lê Như Ngọc	Nữ	20	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,000	8,750	8,000		2,600		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TA1		Đồng ý
10	020322	14	Nguyễn Minh Ngọc	Nữ	22	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	9,250	9,000	8,750		V	TP Cao Lãnh	TPCL1	DC22	NQD	VL1	TA2	Đồng ý
11	020323	14	Nguyễn Minh Hoàng Ngọc	Nữ	14	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,750	9,125	8,500		6,250	3,500	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TO1	HH2	Đồng ý
12	020324	14	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Nữ	26	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tân Hồng	THCS Nguyễn Văn Tiệp	T	G	G	2022	VS			0,5	7,750	9,250	9,500		6,000		Tân Hồng	THG1	GTD2	NQD	TO1		Không đồng ý
13	020325	14	Nguyễn Xuân Ngọc	Nữ	08	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	9,375	7,500		4,750	6,700	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý
14	020326	14	Phan Lê Như Ngọc	Nữ	25	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Thọ	T	G	G	2022					8,000	6,500	8,000		5,000		H.Cao Lãnh	CL11		NQD	NV1		Đồng ý
15	020327	14	Phạm Thanh Ngọc	Nữ	08	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,500	6,250	7,750		3,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DC22	NQD	HH1		Đồng ý
16	020328	14	Phạm Thị Ánh Ngọc	Nữ	17	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					8,500	8,250	9,000		7,000		TP Cao Lãnh	THD1	DC22	NQD	HH1		Không đồng ý
17	020329	14	Tô Võ Yến Ngọc	Nữ	13	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,750	7,000	6,000	1,750			TP Cao Lãnh	TPCL1	DC22	NQD	VL1		Đồng ý
18	020330	14	Trần Ngọc	Nam	10	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,000	4,000	7,250	4,250	5,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DC22	NQD	SH1	NV2	Đồng ý
19	020331	14	Trần Bảo Ngọc	Nữ	03	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	5,625	8,000		4,500	1,200	TP Cao Lãnh	TPCL1	DC22	NQD	NV1	TA2	Đồng ý
20	020332	14	Trần Gia Ngọc	Nữ	15	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS TT Mỹ An	T	G	G	2022					8,000	9,750	8,750		5,700		Tháp Mười	TM1		NQD	TA1		Đồng ý
21	020333	14	Trần Thị Bảo Ngọc	Nữ	20	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Trãi	T	G	G	2022					8,000	9,500	9,500		7,100		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TA1		Đồng ý
22	020334	14	Trần Tuệ Ngọc	Nữ	04	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	7,625	8,250	6,750			TP Cao Lãnh	TPCL1	DC22	NQD	VL1		Đồng ý
23	020335	14	Văn Bảo Ngọc	Nữ	21	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	7,125	5,250		3,400		TP Cao Lãnh	TPCL1	DC22	NQD	TA1		Đồng ý
24	020336	14	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	Nữ	18	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Trần Đại Nghĩa	T	G	G	2022					8,500	8,500	5,250		V	5,250	TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	HH1	TO2	Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG


Nguyễn Nhựt Trường

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐỒNG THÁP
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THI SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỞNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	Mã UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYÊN VỌNG THPT			NGUYÊN VỌNG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	Mã TRƯỞNG	Mã MÔN CH1	Mã MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN, NGŨ VĂN, TIN HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020337	15	Lê Nhật Bình Nguyễn	Nữ	02	02	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,500	9,875	10,000		10,000	6,600	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TO1	TA2	Đồng ý
2	020338	15	Lê Nhật Thảo Nguyễn	Nữ	02	02	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,500	9,750	10,000		8,500	5,800	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TO1	TA2	Đồng ý
3	020339	15	Lê Phúc Thảo Nguyễn	Nữ	02	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,750	5,750	8,500		2,000	2,625	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý
4	020340	15	Lê Thảo Nguyễn	Nữ	25	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Phạm Hữu Lầu	T	G	G	2022					6,500	6,250	8,250		4,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TO1		Đồng ý
5	020341	15	Mai Thanh Nguyễn	Nam	16	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,000	9,375	9,000		3,400	4,900	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TA1	TI2	Đồng ý
6	020342	15	Ngô Tâm Nguyễn	Nữ	01	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	9,750	10,000		9,750	7,800	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
7	020343	15	Nguyễn Hồng Song Nguyễn	Nữ	09	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					2,750	5,000	9,000	3,750		1,625	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1	VL2	Đồng ý
8	020344	15	Nguyễn Thảo Nguyễn	Nữ	20	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Nguyễn Minh Trí	T	G	G	2022					7,250	7,500	8,500			8,125	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
9	020345	15	Sơn Nguyễn Thảo Nguyễn	Nữ	01	11	2007	Đồng Tháp	Khome	TP Cao Lãnh	THCS Phan Bội Châu	T	G	G	2022	DTS			0,5	7,000	7,875	7,750		5,500	4,100	TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý
10	020346	15	Trần Thọ Lộc Nguyễn	Nữ	17	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,250	5,125	6,000		3,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Không đồng ý
11	020347	15	Võ Đặng Thảo Nguyễn	Nữ	01	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					5,500	4,250	5,000		2,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Đồng ý
12	020348	15	Phạm Nguyễn Nguyễn	Nữ	08	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Thọ	T	G	G	2022					8,000	8,000	6,750		6,000	4,100	H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TA1	NV2	Đồng ý
13	020349	15	Đào Thị Ánh Nguyệt	Nữ	22	08	2007	Vĩnh Long	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Tú	T	G	G	2022					7,500	6,000	7,000	5,750			TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	SH1		Đồng ý
14	020350	15	Dương Ngọc Hồng Nhân	Nữ	29	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,500	6,625	7,250		0,000	3,500	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1	TI2	Đồng ý
15	020351	15	Đặng Hữu Nhân	Nam	15	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Hồng Ngự	THCS Long Khánh A	T	G	G	2022					7,500	7,750	8,750			8,625	TP Hồng Ngự	CVA1		NQD	HH1		Không đồng ý
16	020352	15	Lương Phước Nhân	Nam	02	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Trãi	T	K	K	2022					4,500	3,875	7,000		3,400		TP Cao Lãnh	THD1		NQD	TI1		Đồng ý
17	020353	15	Nguyễn Hoàng Thiện Nhân	Nam	02	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Thọ	T	G	G	2022					7,500	9,250	7,500		4,500	5,400	TP Cao Lãnh	TPCL1	CL12	NQD	TA1	NV2	Đồng ý
18	020354	15	Nguyễn Hữu Nhân	Nam	29	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					7,750	5,500	4,500	4,500			TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	VL1		Không đồng ý
19	020355	15	Nguyễn Thanh Nhân	Nam	21	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Thọ	T	G	G	2022					8,000	10,000	8,500			7,100	H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TA1		Đồng ý
20	020356	15	Nguyễn Thanh Nhân	Nam	18	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Thọ	T	G	G	2022					8,500	7,375	9,000	5,750			H.Cao Lãnh	CL11	KV2	NQD	VL1		Đồng ý
21	020357	15	Nguyễn Thành Nhân	Nam	22	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	Thanh Bình	THCS Bình Thành	T	G	G	2022					7,000	7,125	9,000	3,500	6,250		Thanh Bình	TB11		NQD	VL1	TO2	Không đồng ý
22	020358	15	Nguyễn Thiện Nhân	Nam	17	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	9,250	9,000		7,500	2,700	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1	TA2	Đồng ý
23	020359	15	Nguyễn Thiện Nhân	Nam	17	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	5,750	7,500		5,000		TP Cao Lãnh	DCT1	TPCL2	NQD	TI1		Đồng ý
24	020360	15	Trần Trọng Nhân	Nam	07	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	8,125	9,000			5,250	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	HH1		Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG

Nguyễn Nhựt Trường



Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

Phòng thi: 16

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

BẢNG GHI ĐIỂM THI

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỜNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYÊN VONG THPT			NGUYÊN VONG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGỮ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN, NGỮ VĂN, TIN HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020361	16	Võ Thành Nhân	Nam	12	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	8,625	9,500	V	5,750		TP Cao Lãnh	TQT1	DCT2	NQD	TO1	SH2	Đồng ý
2	020362	16	Nguyễn Minh Nhật	Nam	11	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	8,750	8,000		4,500	4,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
3	020363	16	Nguyễn Quang Nhật	Nam	16	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,250	6,250	7,000		3,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý
4	020364	16	Bùi Lê Ái Nhi	Nữ	20	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,000	2,625	3,750		3,250	0,750	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1	HH2	Đồng ý
5	020365	16	Hồ Nguyễn Tâm Nhi	Nữ	10	01	2007	Bến Tre	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Phan Bội Châu	T	G	G	2022					6,750	8,125	9,000		8,000		TP Cao Lãnh	TQT1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý
6	020366	16	Lê Quỳnh Trúc Nhi	Nữ	07	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tam Nông	THCS Tràm Chim	T	K	K	2022					9,000	5,875	5,750		7,000		Tam Nông	TRC1	PTA2	NQD	NV1		Không đồng ý
7	020367	16	Ngô Thị Yến Nhi	Nữ	08	09	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Hồng Ngự	THCS An Thạnh	T	G	G	2022					9,000	9,750	9,000		6,250		TP Hồng Ngự	CVA1	HN12	NQD	HH1		Đồng ý
8	020368	16	Nguyễn Bảo Phương Nhi	Nữ	28	11	2007	Nghệ An	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,250	6,500	8,250		2,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý
9	020369	16	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	08	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Tân Hội Trung	T	G	G	2022					7,000	6,750	4,250		1,700		H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TA1		Đồng ý
10	020370	16	Nguyễn Trần Yến Nhi	Nữ	28	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	7,000	9,000		5,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Đồng ý
11	020371	16	Trần Võ Hoàng Nhi	Nữ	12	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	6,000	8,250	3,000	4,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1	TO2	Đồng ý
12	020372	16	Võ Ngọc Yến Nhi	Nữ	17	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Hồng Ngự	THCS An Thạnh	T	G	G	2022					8,500	9,250	7,750		6,875		TP Hồng Ngự	HN11	CVA2	NQD	HH1		Không đồng ý
13	020373	16	Võ Ngọc Yến Nhi	Nữ	19	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					8,250	3,500	8,250	7,500			TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	VL1		Không đồng ý
14	020374	16	Ngô Trịnh Hạo Nhiên	Nữ	15	11	2007	Quảng Ngãi	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	7,500	8,750		5,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Đồng ý
15	020375	16	Hồ Bửu Khả Nhu	Nữ	01	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS Mỹ Đông	T	G	G	2022					8,250	9,125	9,000		5,100		Tháp Mười	TM1		NQD	TA1		Đồng ý
16	020376	16	Đỗ Cẩm Nhung	Nữ	15	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,500	8,250	9,000		2,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
17	020377	16	Mai Thị Cẩm Nhung	Nữ	15	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Phan Bội Châu	T	G	G	2022					7,250	8,375	7,500	6,750		2,700	TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	SH1	TA2	Đồng ý
18	020378	16	La Phúc Tâm Như	Nữ	14	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	3,500	8,250		6,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
19	020379	16	Nguyễn Ngọc Minh Như	Nữ	18	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					8,000	6,750	8,000		4,375		TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	HH1		Đồng ý
20	020380	16	Nguyễn Thiên Như	Nữ	01	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	9,125	7,750		6,700		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
21	020381	16	Trần Ngọc Tuyết Như	Nữ	05	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					8,000	8,750	9,000		7,875		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	HH1		Đồng ý
22	020382	16	Võ Ngọc Hạnh Như	Nữ	30	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	7,625	8,000		V	5,875	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý
23	020383	16	Vũ Huỳnh Như	Nữ	08	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	8,625	8,250		3,900		TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TA1		Đồng ý
24	020384	16	Đoàn Văn Minh Nhựt	Nam	27	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Trãi	T	G	G	2022					8,250	7,250	6,000		3,200		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TA1		Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG



Nguyễn Nhựt Trường



KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

Phòng thi: 17

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỜNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYÊN VỌNG THPT			NGUYÊN VỌNG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGỮ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN, NGỮ VĂN, TIN HỌC	HOA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020385	17	Lê Minh Nhựt	Nam	03	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	5,250	8,000			4,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
2	020386	17	Đặng Huỳnh An Ninh	Nam	08	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	8,000	8,000			5,375	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
3	020387	17	Lê Thị Kim Oanh	Nữ	15	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	8,625	8,250		4,750	4,000	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TA1	TO2	Đồng ý
4	020388	17	Lê Thiên Phát	Nam	29	01	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,500	4,875	8,000		5,500	1,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1	TA2	Đồng ý
5	020389	17	Nguyễn Dương Thuận Phát	Nam	13	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Chí Thanh	T	G	G	2022					5,500	6,000	8,500		6,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý
6	020390	17	Nguyễn Tấn Phát	Nam	09	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					4,750	4,125	8,000		3,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
7	020391	17	Phan Hoàng Phát	Nam	03	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	9,125	8,250			7,200	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TA1		Đồng ý
8	020392	17	Phùng Thanh Phát	Nam	21	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	5,750	8,500		5,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
9	020393	17	Võ Phạm Nguyên Phát	Nam	10	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	5,000	6,500		6,500	V	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TI1	HH2	Đồng ý
10	020394	17	Nguyễn Tấn Phú	Nam	19	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	Lấp Vò	THCS Vĩnh Thạnh	T	G	G	2022					5,250	9,125	6,000		6,900		Lấp Vò	LVO21	LVO32	NQD	TI1		Không đồng ý
11	020395	17	Phan Đức Phú	Nam	15	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	8,500	9,000	6,250	5,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	VL1	TO2	Đồng ý
12	020396	17	Trần Lê Phú	Nam	30	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,000	7,750	9,000		6,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý
13	020397	17	Đào Nguyễn Minh Phúc	Nam	06	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	4,250	8,000		4,250	4,875	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	HH2	Đồng ý
14	020398	17	Đặng Trần Minh Phúc	Nam	15	04	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,000	9,000	9,000		5,500	6,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TI2	Đồng ý
15	020399	17	Đỗ Xuân Phúc	Nam	17	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	8,750	10,000		4,500	5,800	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
16	020400	17	Hồ Sỹ Phúc	Nam	31	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					3,250	2,500	5,750	V		2,625	TP Cao Lãnh	THD1		NQD	HH1	SH2	Không đồng ý
17	020401	17	Huỳnh Lê Như Phúc	Nữ	20	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	9,125	9,000		6,500	4,800	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TA1	TO2	Đồng ý
18	020402	17	Lê Hồng Phúc	Nam	29	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tam Nông	THCS Tràm Chim	T	G	G	2022					8,250	6,625	8,250	7,250			Tam Nông	TRC1	PTA2	NQD	SH1		Không đồng ý
19	020403	17	Lê Tấn Phúc	Nam	12	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					7,750	9,500	10,000		7,500		H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TO1		Đồng ý
20	020404	17	Nguyễn Diễm Phúc	Nữ	26	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					9,000	9,500	10,000		10,000	7,700	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
21	020405	17	Nguyễn Trần Hữu Phúc	Nam	27	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS Mỹ Quý	T	G	G	2022					6,500	9,750	9,000			7,100	Tháp Mười	MQ1		NQD	TA1		Đồng ý
22	020406	17	Trịnh Thiên Phúc	Nam	04	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	8,875	7,250		3,500	2,750	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý
23	020407	17	Trương Hữu Phúc	Nam	09	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	7,750	4,750		V	4,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý
24	020408	17	Lâm Phi Phụng	Nữ	04	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	6,000	8,000			1,100	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG

Nguyễn Nhựt Trường

Nguyễn Nhựt Trường



KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

Phòng thi: 18

BẢNG GHI ĐIỂM THI

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THI SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỞNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYÊN VỌNG THPT			NGUYÊN VỌNG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN, NGŨ VĂN, TIN HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020409	18	Phan Phi Phụng	Nữ	07	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,500	9,375	9,250			9,250	TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	HH1		Đồng ý
2	020410	18	Dương Kiều Phương	Nữ	11	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	8,000	8,000			3,900	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TA1		Đồng ý
3	020411	18	Đặng Hiếu Phương	Nữ	18	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Nguyễn Minh Trí	T	G	G	2022					5,750	7,500	6,250			4,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
4	020412	18	Đỗ Ngọc Kim Phương	Nữ	26	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	5,875	8,500	3,250	2,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	VL1	TI2	Đồng ý
5	020413	18	Hà Trần Lan Phương	Nữ	16	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					4,000	5,125	5,250		4,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý
6	020414	18	Lê Mai Anh Phương	Nữ	13	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Phan Bội Châu	T	G	G	2022					7,000	2,250	4,250			2,875	TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	HH1		Đồng ý
7	020415	18	Nguyễn Nam Phương	Nữ	03	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	8,250	8,000		6,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
8	020416	18	Nguyễn Quế Phương	Nữ	03	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Mỹ Hiệp	T	G	G	2022					7,250	8,875	8,750		5,100		H.Cao Lãnh	CL21		NQD	TA1		Đồng ý
9	020417	18	Trần Nguyễn Trúc Phương	Nữ	16	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	8,250	7,250		1,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
10	020418	18	Đoàn Minh Phước	Nam	09	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	9,750	9,750		5,000	6,700	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
11	020419	18	Lê Bá Phước	Nam	27	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					6,750	1,750	8,000		1,500		H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TO1		Đồng ý
12	020420	18	Dương Minh Quang	Nam	04	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	9,625	10,000		8,000	7,100	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
13	020421	18	Đinh Việt Quang	Nam	09	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					6,500	4,375	8,250	5,000	V		H.Cao Lãnh	CL11	KV2	NQD	VL1	TI2	Đồng ý
14	020422	18	Hồ Đăng Quang	Nam	17	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Tú	T	G	G	2022					8,000	4,625	7,750			5,375	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	HH1		Đồng ý
15	020423	18	Nguyễn Thanh Hào Quang	Nam	21	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,750	6,250	5,000			2,100	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
16	020424	18	Trần Văn Nhật Quang	Nam	13	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,750	7,000	9,000	2,500	3,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	VL1	NV2	Đồng ý
17	020425	18	Dương Minh Quân	Nam	11	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tân Hồng	THCS và THPT Giồng Thi Đạm	T	G	G	2022					7,000	5,500	5,250		2,750		Tân Hồng	GTĐ1		NQD	TO1		Đồng ý
18	020426	18	Hà Minh Quân	Nam	25	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,500	7,375	8,250		4,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
19	020427	18	Huỳnh Minh Quân	Nam	31	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	8,500	9,000		3,000	3,500	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TI2	Đồng ý
20	020428	18	Nguyễn Hoàng Quân	Nam	22	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	8,500	8,500	5,250	V		TP Cao Lãnh	DCT1	TPCL2	NQD	VL1	TO2	Đồng ý
21	020429	18	Trần Đình Anh Quân	Nam	22	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Chí Thanh	T	G	G	2022					5,000	4,500	7,250	2,000	3,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1	NV2	Đồng ý
22	020430	18	Trần Hoàng Quân	Nam	15	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	8,625	8,250	5,500	4,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	THĐ2	NQD	TO1	VL2	Đồng ý
23	020431	18	Trần Nguyễn Lê Quân	Nam	29	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tân Hồng	THCS và THPT Giồng Thi Đạm	T	G	G	2022					7,500	9,250	7,750		6,250	5,500	Tân Hồng	GTĐ1	THg2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
24	020432	18	Nguyễn Thị Như Quế	Nữ	14	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Tân Hội Trung	T	G	G	2022					7,750	8,000	8,000		6,750		H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TO1		Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG

(Chữ ký)

Nguyễn Nhựt Trường



Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỖ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

(Chữ ký)
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

Phòng thi: 19

BẢNG GHI ĐIỂM THI

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỞNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYÊN VỌNG THPT			NGUYÊN VỌNG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGỮ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN NGỮ VĂN, TIN HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020433	19	Đỗ Nguyễn Phương Quyên	Nữ	27	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Thọ	T	G	G	2022					8,250	8,875	8,250			7,400	TP Cao Lãnh	TPCL1	CL12	NQD	TA1		Đồng ý
2	020434	19	Huỳnh Lê Thảo Quyên	Nữ	05	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	9,250	7,750		4,750	4,400	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý
3	020435	19	Nguyễn Hoàng Quyên	Nữ	08	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Thọ	T	G	G	2022					7,000	7,250	7,500	3,000			H.Cao Lãnh	CL11		NQD	SH1		Đồng ý
4	020436	19	Nguyễn Thái Nhã Quyên	Nữ	11	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Thọ	T	G	G	2022					9,000	8,500	7,500	2,000		7,625	H.Cao Lãnh	CL11		NQD	HH1	VL2	Đồng ý
5	020437	19	Phan Ngọc Khả Quyên	Nữ	24	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,500	9,625	10,000		9,000	8,200	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TO1	TA2	Đồng ý
6	020438	19	Trần Hoàng Quyên	Nữ	20	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Trãi	T	G	G	2022					8,000	7,750	6,750		5,000	4,500	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý
7	020439	19	Trần Thị Tú Quyên	Nữ	30	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Phan Bội Châu	T	G	G	2022					6,750	7,625	7,000	6,750			TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	SH1		Đồng ý
8	020440	19	Trương Thị Thuý Quyên	Nữ	17	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Chí Thanh	T	G	G	2022					5,000	5,125	7,250	2,500			TP Cao Lãnh	DCT1	THD2	NQD	SH1		Đồng ý
9	020441	19	Huỳnh Thuý Trúc Quỳnh	Nữ	27	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	8,500	8,250		5,750		TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TO1		Đồng ý
10	020442	19	Mai Như Quỳnh	Nữ	22	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Thọ	T	G	G	2022					6,500	8,125	9,000	5,750			TP Cao Lãnh	TPCL1	CL12	NQD	SH1		Đồng ý
11	020443	19	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nữ	24	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Phạm Hữu Lầu	T	G	G	2022					7,250	8,300	5,500		5,250		TP Cao Lãnh	THD1		NQD	NV1		Đồng ý
12	020444	19	Nguyễn Ngọc Trúc Quỳnh	Nữ	24	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	9,375	8,250			5,800	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TA1		Đồng ý
13	020445	19	Phạm Nguyễn Xuân Quỳnh	Nữ	13	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	6,500	7,250		4,500	4,750	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	HH2	Không đồng ý
14	020446	19	Phạm Trần Mỹ Quỳnh	Nữ	22	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	Thanh Bình	THCS Bình Thành	T	G	G	2022					6,250	6,750	9,000	5,250	5,250		Thanh Bình	TB11	TMy2	NQD	TO1	SH2	Đồng ý
15	020447	19	Trần Ngọc Thuý Quỳnh	Nữ	28	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,000	9,375	8,750		6,125		TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	HH1		Đồng ý
16	020448	19	Nguyễn Thiện Quý	Nam	18	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	Châu Thành	THCS Cái Tàu Hạ	T	G	G	2022					6,750	4,375	7,750	1,750	4,000		Châu Thành	CT21	CT12	NQD	TO1	VL2	Đồng ý
17	020449	19	Võ Tuyết Nhơn Quý	Nữ	21	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	6,250	8,750		6,250	2,300	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý
18	020450	19	Nguyễn Quang Sáng	Nam	29	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Thọ	T	G	G	2022					7,000	7,875	8,250		6,000	V	H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TO1	TA2	Đồng ý
19	020451	19	Đinh Lê Thanh Sơn	Nam	16	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,750	9,750	8,250			7,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TA1		Đồng ý
20	020452	19	Phạm Võ Trường Sơn	Nam	17	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	8,750	9,000		5,000	4,800	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TO2	Đồng ý
21	020453	19	Nguyễn Tấn Tài	Nam	13	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS Mỹ Quý	T	G	G	2022					8,000	7,250	9,000	7,250			Tháp Mười	MQ1		NQD	VL1		Đồng ý
22	020454	19	Phìn Phú Tài	Nam	16	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	6,425	6,000		6,500		TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TI1		Đồng ý
23	020455	19	Nguyễn Minh Tâm	Nam	03	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Tú	T	G	G	2022					6,000	6,500	7,500		3,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
24	020456	19	Nguyễn Ngọc Tâm	Nữ	07	05	2007	Vĩnh Long	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Mỹ Hiệp	T	G	G	2022					7,000	5,500	7,750	5,250			H.Cao Lãnh	CL21		NQD	SH1		Không đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG

Nguyễn Nhựt Trường



Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Phòng thi: 20

HD coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THANH PHỐ	HỌC SINH TRƯỞNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYÊN VONG THPT			NGUYÊN VONG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH								
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020457	20	Phạm Khánh Tâm	Nam	24	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	Lấp Vò	THCS Tân Mỹ	T	G	G	2022					8,250	8,750	8,750		6,000		Lấp Vò	LV021		NQD	TO1		Đồng ý
2	020458	20	Nguyễn Kiều Duy Tân	Nam	02	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tam Nông	THCS Tràm Chim	T	G	G	2022					7,000	5,000	8,500	5,250	6,500		Tam Nông	TRC1	HB2	NQD	VL1	TO2	Đồng ý
3	020459	20	Bùi Đan Thanh	Nữ	24	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	7,000	8,250		5,750		TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	NV1		Đồng ý
4	020460	20	Huỳnh Thị Mỹ Thanh	Nữ	01	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,000	4,500	6,000	V	4,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1	SH2	Đồng ý
5	020461	20	Lục Lê Nhật Thanh	Nữ	16	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	5,750	6,500		5,000	5,375	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1	TI2	Đồng ý
6	020462	20	Mai Nguyệt Thanh	Nữ	22	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Gáo Giồng	T	G	G	2022					6,000	4,250	6,250	1,000			H.Cao Lãnh	TL11		NQD	SH1		Đồng ý
7	020463	20	Nguyễn Ái Thanh	Nữ	11	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Mỹ Hiệp	T	G	G	2022					6,250	5,125	6,750	4,250			H.Cao Lãnh	CL21		NQD	VL1		Đồng ý
8	020464	20	Nguyễn Thái Việt Thanh	Nam	31	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	8,750	8,500		6,250	7,250	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý
9	020465	20	Trần Thị Lan Thanh	Nữ	19	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	Thanh Bình	THCS Bình Thành	T	G	G	2022					8,500	6,250	8,250		6,000		Thanh Bình	TB11		NQD	NV1		Không đồng ý
10	020466	20	Trương Tâm Thanh	Nữ	13	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					8,000	9,250	9,000		5,500	4,800	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TO2	Đồng ý
11	020467	20	Đinh Nguyên Thành	Nam	01	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	9,250	8,500		5,000	5,400	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
12	020468	20	Ngô Tuấn Thành	Nam	01	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Thống Linh	T	G	G	2022					6,750	8,000	8,250		3,000	1,900	TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	TA1	TO2	Đồng ý
13	020469	20	Nguyễn Trung Thành	Nam	15	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	8,000	7,500	5,750			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1		Đồng ý
14	020470	20	Lê Ngọc Minh Thảo	Nữ	02	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Phạm Hữu Lầu	T	G	G	2022					4,750	7,500	5,500		3,900		TP Cao Lãnh	THD1		NQD	TA1		Đồng ý
15	020471	20	Lê Thị Phương Thảo	Nữ	31	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Phạm Hữu Lầu	T	G	G	2022					8,500	9,625	9,000		7,500	8,200	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý
16	020472	20	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	23	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					5,250	3,750	7,250		2,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
17	020473	20	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	27	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,500	8,125	6,500		3,300		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
18	020474	20	Huỳnh Trung Thái	Nam	27	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Chí Thanh	T	G	G	2022					5,750	6,500	7,500		0,000	3,300	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TI2	Đồng ý
19	020475	20	Nguyễn Lê Hồ Thái	Nam	04	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	8,000	8,750		4,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
20	020476	20	Nguyễn Ngọc Thái	Nam	28	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Thống Linh	T	G	G	2022					4,500	1,500	6,250		5,000		TP Cao Lãnh	TQT1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý
21	020477	20	Lê Hồng Thắm	Nữ	21	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Tân Thuận Đông	T	G	G	2022					7,750	7,750	10,000		8,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TO1		Đồng ý
22	020478	20	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	12	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,250	5,750	7,500		5,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Không đồng ý
23	020479	20	Nguyễn Văn Thiện	Nam	23	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	8,500	10,000		7,250		TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TO1		Đồng ý
24	020480	20	Huỳnh Tấn Thịnh	Nam	15	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	8,375	8,500		4,000	3,200	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG

Nguyễn Nhựt Trường

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

Phòng thi: 21

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỜNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYÊN VỌNG THPT			NGUYÊN VỌNG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN NGŨ VĂN, TIN HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020481	21	Nguyễn Hồ Cao Thịnh	Nam	10	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					7,750	9,375	8,500		7,000	9,200	H.Cao Lãnh	CL11	KV2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
2	020482	21	Trần Văn Thịnh	Nam	21	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,750	8,250	8,250		4,250	7,125	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý
3	020483	21	Võ Quốc Thịnh	Nam	01	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	8,000	8,500	6,500			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	VL1		Đồng ý
4	020484	21	Lê Minh Lộc Thọ	Nam	04	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	Lấp Vò	THCS Thị trấn Lấp Vò	T	G	G	2022					5,750	8,875	7,500			5,800	Lấp Vò	LV011		NQD	TA1		Đồng ý
5	020485	21	Nguyễn Anh Thơ	Nữ	08	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	Lấp Vò	THCS Tân Mỹ	T	G	G	2022					8,250	7,125	8,750		5,500		Lấp Vò	LV021		NQD	TI1		Không đồng ý
6	020486	21	Nguyễn Anh Thơ	Nữ	12	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					8,750	9,500	9,000		4,750	7,700	H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TA1	TO2	Đồng ý
7	020487	21	Trần Minh Thuận	Nam	19	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	6,375	6,750			1,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
8	020488	21	Trần Quang Thuận	Nam	26	12	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Hồng Ngự	THCS An Thạnh	T	G	G	2022					7,250	5,750	8,250		6,250	2,200	TP Hồng Ngự	HN11		NQD	TO1	TA2	Đồng ý
9	020489	21	Võ Đắc Thuận	Nam	21	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	K	K	2022					5,250	6,500	5,000		2,500	5,200	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TI2	Đồng ý
10	020490	21	Quách Nguyễn Phương Thủy	Nữ	20	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,000	7,500	3,250		4,500	1,500	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1	TA2	Đồng ý
11	020491	21	Mai Đình Thụy	Nam	17	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,000	8,750	9,000		5,500	4,700	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
12	020492	21	Đỗ Hoàng Minh Thư	Nữ	24	07	2007	Tiền Giang	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	8,375	8,000			8,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
13	020493	21	Hiếu Anh Thư	Nữ	11	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tam Nông	THCS Tràm Chim	T	G	G	2022					8,500	9,500	8,500			7,875	Tam Nông	TRC1	PTA2	NQD	HH1		Không đồng ý
14	020494	21	Lâm Võ Anh Thư	Nữ	01	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	K	K	2022					6,500	5,750	0,750			2,300	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
15	020495	21	Lê Phạm Hồng Thư	Nữ	01	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	5,875	8,500	4,250	3,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	SH2	Đồng ý
16	020496	21	Lê Thị Anh Thư	Nữ	27	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,000	5,375	6,750		3,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
17	020497	21	Ngô Võ Minh Thư	Nữ	02	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tam Nông	THCS Tràm Chim	T	G	G	2022					8,500	9,500	9,000			7,600	Tam Nông	TRC1		NQD	TA1		Không đồng ý
18	020498	21	Nguyễn Anh Thư	Nữ	28	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Phan Bội Châu	T	G	G	2022					7,250	9,125	9,000	3,250		5,800	TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	TA1	VL2	Không đồng ý
19	020499	21	Nguyễn Huỳnh Minh Thư	Nữ	16	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	9,125	7,750	7,000			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1		Đồng ý
20	020500	21	Nguyễn Lê Anh Thư	Nữ	27	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Thống Linh	T	G	G	2022					7,250	6,000	7,500	4,750	4,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	SH1	NV2	Đồng ý
21	020501	21	Nguyễn Ngọc Thư	Nữ	10	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					4,000	6,750	4,250			3,800	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TA1		Đồng ý
22	020502	21	Nguyễn Ngọc Minh Thư	Nữ	06	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	5,250	2,500		4,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Đồng ý
23	020503	21	Nguyễn Quý Minh Thư	Nữ	27	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					9,000	9,875	8,000			6,700	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
24	020504	21	Nguyễn Trần Anh Thư	Nữ	17	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	8,750	8,500		6,000	6,500	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	HH1	TO2	Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG



Nguyễn Nhựt Trường



Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Phòng thi: 22

HD coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỜNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYỄN VỌNG THPT			NGUYỄN VỌNG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN, NGŨ VĂN, TIN HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020505	22	Nguyễn Trần Anh Thư	Nữ	14	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Nhị Mỹ	T	G	G	2022					7,000	6,000	9,000	4,750			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1		Đồng ý
2	020506	22	Phan Ngọc Anh Thư	Nữ	02	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					7,500	7,000	6,500	3,500	5,750		TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	SH1	NV2	Đồng ý
3	020507	22	Phan Trần Anh Thư	Nữ	14	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	9,250	8,250	7,000			TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	VL1		Đồng ý
4	020508	22	Phạm Lê Minh Thư	Nữ	08	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	6,750	8,750	3,000	3,900		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	VL1	TI2	Đồng ý
5	020509	22	Phạm Nguyễn Anh Thư	Nữ	17	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Trần Đại Nghĩa	T	G	G	2022					8,500	9,125	9,000		6,750		TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	TO1		Đồng ý
6	020510	22	Trần Bùi Anh Thư	Nữ	08	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS và THPT Nguyễn Văn Khái	T	G	G	2022					7,500	9,000	8,000		6,400		H.Cao Lãnh	CL21	NVK2	NQD	TA1		Đồng ý
7	020511	22	Trần Ngọc Anh Thư	Nữ	01	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,000	7,250	8,750		6,375		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
8	020512	22	Lê Uyên Gia Thy	Nữ	09	08	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	5,500	9,000		5,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
9	020513	22	Trần Ngọc Minh Thy	Nữ	17	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	7,625	1,500		3,500	2,800	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý
10	020514	22	Bùi Huỳnh Cẩm Tiên	Nữ	26	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	8,500	9,000		6,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Đồng ý
11	020515	22	Lê Võ Hoa Tiên	Nữ	28	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,500	5,750	5,500		2,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý
12	020516	22	Phạm Thị Thuý Tiên	Nữ	05	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	K	K	2022					5,500	2,625	4,500		2,750	0,375	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1	HH2	Đồng ý
13	020517	22	Lê Nhựt Tiến	Nam	14	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	7,500	8,000		4,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
14	020518	22	Lê Thanh Tiến	Nam	10	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					7,000	9,125	8,750		5,500	3,500	H.Cao Lãnh	CL11	KV2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
15	020519	22	Nguyễn Lê Phước Tiến	Nam	15	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	9,625	10,000		V	8,900	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TA1	TO2	Đồng ý
16	020520	22	Đặng Quốc Tình	Nam	18	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	K	K	2022					4,750	5,625	5,250		1,900		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Không đồng ý
17	020521	22	Đặng Hồ Hữu Tín	Nam	07	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS Phú Điền	T	G	G	2022					6,500	8,750	9,000		5,750		Tháp Mười	TM1	PD2	NQD	TO1		Đồng ý
18	020522	22	Lê Hoài Trọng Tín	Nam	12	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	Thanh Bình	THCS Bình Tấn	T	G	G	2022					6,750	8,875	7,500		4,800		Thanh Bình	TB11	TM2	NQD	TA1		Đồng ý
19	020523	22	Nguyễn Chí Tín	Nam	24	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	K	K	2022					2,750	3,250	2,750		3,500	1,300	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1	TA2	Đồng ý
20	020524	22	Hà Trang	Nữ	06	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	8,875	8,250		6,800		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
21	020525	22	Hồ Cao Thuý Trang	Nữ	23	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	9,750	10,000		9,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
22	020526	22	Phan Thị Yến Trang	Nữ	10	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Phương Trà	T	G	G	2022					8,500	7,250	9,000	7,750			H.Cao Lãnh	TL11		NQD	VL1		Đồng ý
23	020527	22	Trần Thị Đài Trang	Nữ	13	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS TT Mỹ An	T	G	G	2022					8,750	7,375	8,750		5,250		Tháp Mười	TM1		NQD	TO1		Đồng ý
24	020528	22	Chung Nguyễn Thuý Trâm	Nữ	28	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					6,750	4,875	7,500		2,750		H.Cao Lãnh	CL11		NQD	NV1		Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG



Nguyễn Nhựt Trường



Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

Phòng thi: 23

BẢNG GHI ĐIỂM THI

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỞNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS/ BT THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYỄN VONG THPT			NGUYỄN VONG CHUYÊN				
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN	
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TQM, NGŨ VĂN, TIN HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH								
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	
1	020529	23	Đoàn Ngọc Bảo Trâm	Nữ	27	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,250	6,750	8,750		4,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý	
2	020530	23	Lê Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	14	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Tân Thuận Đông	T	G	G	2022					7,750	7,875	7,750	5,500			TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	SH1		Đồng ý	
3	020531	23	Ngô Thuý Phương Trâm	Nữ	26	07	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,500	9,125	8,000		7,200		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TA1		Đồng ý	
4	020532	23	Nguyễn Hồng Trâm	Nữ	11	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	6,750	7,250		4,500	4,875	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1	NV2	Đồng ý	
5	020533	23	Nguyễn Quỳnh Trâm	Nữ	23	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	7,625	7,500		4,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý	
6	020534	23	Nguyễn Quỳnh Bảo Trâm	Nữ	06	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	9,250	6,500		5,250	4,200	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý	
7	020535	23	Trịnh Thị Bích Trâm	Nữ	11	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Thống Linh	T	G	G	2022					6,250	6,750	8,250		4,750	1,600	TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý	
8	020536	23	Bùi Thị Quý Trân	Nữ	16	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS Mỹ Quý	T	G	G	2022					7,750	8,500	8,500	7,750			Tháp Mười	MQ1		NQD	SH1		Không đồng ý	
9	020537	23	Huỳnh Võ Bảo Trân	Nữ	19	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					9,250	8,500	5,250		6,750	3,100	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1	TA2	Đồng ý	
10	020538	23	Ngô Bảo Trân	Nữ	14	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	9,500	7,250		2,500	4,850	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TI2	Đồng ý	
11	020539	23	Phan Hồ Bảo Trân	Nữ	10	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS Mỹ Quý	T	G	G	2022					7,500	6,875	9,250	8,500			Tháp Mười	MQ1		NQD	VL1		Không đồng ý	
12	020540	23	Trần Huyền Trân	Nữ	09	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Bình Hàng Tây	T	G	G	2022					8,750	8,500	6,000		5,250	4,700	H.Cao Lãnh	CL21	NVK2	NQD	TA1	NV2	Không đồng ý	
13	020541	23	Trần Huyền Trân	Nữ	14	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					8,250	7,000	6,750		7,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	CL12	NQD	NV1		Đồng ý	
14	020542	23	Lê Hữu Triết	Nam	29	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	6,625	9,000		2,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý	
15	020543	23	Lê Minh Triết	Nam	03	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,000	8,000	7,000		4,500	4,300	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TO2	Đồng ý	
16	020544	23	Nguyễn Minh Triết	Nam	03	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Thống Linh	T	G	G	2022					6,500	8,000	7,250		0,000	5,100	TP Cao Lãnh	TQT1	TPCL2	NQD	TA1	TI2	Đồng ý	
17	020545	23	Trần Minh Triết	Nam	10	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	8,500	9,000		6,200		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý	
18	020546	23	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	Nữ	29	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Tú	T	G	G	2022					8,750	7,625	8,250		4,300		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý	
19	020547	23	Nguyễn Thị Thuý Trinh	Nữ	02	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Mỹ Hội	T	G	G	2022					7,500	9,250	9,000		5,000		H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TA1		Đồng ý	
20	020548	23	Bùi Minh Trí	Nam	29	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					8,000	7,875	9,000		4,000	3,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý	
21	020549	23	Huỳnh Minh Trí	Nam	07	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					8,000	7,000	9,000	7,250	6,750		H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TO1	VL2	Không đồng ý	
22	020550	23	Huỳnh Nguyễn Đức Trí	Nam	04	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	7,750	9,500		6,500	9,250	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý	
23	020551	23	Lê Trí	Nam	26	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	Lấp Vò	THCS Vĩnh Thạnh	T	G	G	2022					6,500	7,250	7,750	5,500			Lấp Vò	LV021	LV032	NQD	SH1		Không đồng ý	
24	020552	23	Lê Minh Trí	Nam	18	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					5,250	5,750	7,750		3,125		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý	

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG



Nguyễn Nhựt Trường



Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Phòng thi: 24

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THI SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỜNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI					NGUYỄN VONG THPT			NGUYỄN VONG CHUYÊN				
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN, NGŨ VĂN, TIN HỌC	HOA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020553	24	Ngô Thành Trí	Nam	20	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Hồng Ngự	THCS An Thạnh	T	G	G	2022					6,750	7,875	8,000		5,750	5,750	TP Hồng Ngự	HN11		NQD	HH1	TO2	Đồng ý
2	020554	24	Nguyễn Đức Trí	Nam	19	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,000	9,250	10,000		9,000	2,700	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
3	020555	24	Trần Nguyễn Minh Trí	Nam	30	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,000	4,500	6,750		2,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TI1		Không đồng ý
4	020556	24	Trần Trọng Trí	Nam	06	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					7,750	7,000	7,750	6,750			H.Cao Lãnh	CL11		NQD	VL1		Đồng ý
5	020557	24	Huỳnh Tấn Trọng	Nam	17	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	Lấp Vò	THCS Tân Mỹ	T	G	G	2022					6,000	9,125	7,250			4,800	Lấp Vò	LVO21		NQD	TA1		Không đồng ý
6	020558	24	Lê Phú Trọng	Nam	01	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					4,500	5,375	6,750			1,875	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
7	020559	24	Tổng Đức Sang Trọng	Nam	23	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					6,250	7,750	7,000	5,750			TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	VL1		Không đồng ý
8	020560	24	Hồ Chí Trung	Nam	30	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Trãi	T	G	G	2022					6,750	6,750	8,500		0,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TI1		Đồng ý
9	020561	24	Nguyễn Quang Trung	Nam	14	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Tân Hội Trung	T	G	G	2022					8,000	9,500	8,250			8,700	H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TA1		Không đồng ý
10	020562	24	Nguyễn Thành Trung	Nam	17	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,750	9,375	9,000	4,750	2,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1	TI2	Đồng ý
11	020563	24	Đào Mai Trúc	Nữ	11	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Thống Linh	T	G	G	2022					6,250	4,875	7,500	4,750		1,500	TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	SH1	TA2	Đồng ý
12	020564	24	Phạm Nguyễn Hải Trúc	Nữ	01	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS TT Mỹ An	T	G	G	2022					7,500	6,875	8,250	6,000			Tháp Mười	TM1		NQD	VL1		Đồng ý
13	020565	24	Trần Công Thảo Trúc	Nữ	13	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	9,250	7,250		2,500	3,800	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TI2	Đồng ý
14	020566	24	Trần Lê Thanh Trúc	Nữ	01	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	9,625	8,750			6,600	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
15	020567	24	Thái Nhật Trường	Nam	03	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					8,500	8,750	9,750		8,000	4,400	H.Cao Lãnh	CL11	KV2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
16	020568	24	Trần Trung Trực	Nam	14	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					8,000	7,500	9,000		5,750	7,125	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý
17	020569	24	Lê Nguyễn Ngọc Tuyền	Nữ	01	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	4,250	8,000		4,250	5,500	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1	NV2	Không đồng ý
18	020570	24	Trần Phạm Như Tuyết	Nữ	25	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS TT Mỹ An	T	G	G	2022					7,250	4,875	5,000		0,250		Tháp Mười	TM1		NQD	TO1		Đồng ý
19	020571	24	Lê Thanh Tùng	Nam	26	04	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	9,875	8,250			8,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
20	020572	24	Đặng Nguyễn Tuấn Tú	Nam	12	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	3,375	6,750		3,500	1,500	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	HH1	TO2	Đồng ý
21	020573	24	Kiều Anh Tú	Nữ	24	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	9,500	9,500			6,900	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý
22	020574	24	Phạm Đặng Cẩm Tú	Nữ	05	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Tú	T	G	G	2022					8,500	9,000	9,000		6,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Đồng ý
23	020575	24	Lương Mẫn Tường	Nam	22	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	4,500	2,750		2,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	NV1		Đồng ý
24	020576	24	Võ Cát Tường	Nữ	02	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					5,500	6,000	7,750			3,750	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Không đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG



Nguyễn Nhựt Trường

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT
Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

Phòng thi: 25

BẢNG GHI ĐIỂM THI

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỜNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYỄN VỌNG THPT			NGUYỄN VỌNG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN, NGŨ VĂN, TIN HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020577	25	Võ Cát Tường	Nam	01	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					7,250	3,500	8,000	3,750	3,250		H.Cao Lãnh	CL11	KV2	NQD	SH1	TO2	Đồng ý
2	020578	25	Bùi Tú Uyên	Nữ	26	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	9,000	8,750	V		3,100	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	VL2	Đồng ý
3	020579	25	Đỗ Thị Hà Uyên	Nữ	19	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Tú	T	G	G	2022					8,000	8,750	9,750		9,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
4	020580	25	Lê Mỹ Uyên	Nữ	22	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Thống Linh	T	G	G	2022					6,750	4,000	8,000		3,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	TQT2	NQD	TI1		Đồng ý
5	020581	25	Lê Phương Uyên	Nữ	03	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS và THPT Nguyễn Văn Khái	T	G	G	2022					7,000	8,875	9,000		6,750	4,600	H.Cao Lãnh	CL21	NVK2	NQD	TO1	TA2	Không đồng ý
6	020582	25	Lê Trần Phương Uyên	Nữ	05	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lựu	T	G	G	2022					6,500	6,625	7,500	5,500			TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	SH1		Đồng ý
7	020583	25	Lê Trần Phương Uyên	Nữ	29	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	9,125	9,250	4,500		3,700	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	SH2	Đồng ý
8	020584	25	Nguyễn Đặng Hoàng Uyên	Nữ	29	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	9,125	8,000		3,800		TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TA1		Không đồng ý
9	020585	25	Nguyễn Thị Thảo Uyên	Nữ	13	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tam Nông	THCS Tràm Chim	T	G	G	2022					6,000	8,500	9,500		4,750		Tam Nông	TRC1	PTAZ	NQD	TO1		Không đồng ý
10	020586	25	Trần Đông Uyên	Nữ	25	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	8,250	8,000		7,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TO1		Đồng ý
11	020587	25	Nguyễn Trần Khánh Văn	Nam	30	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Nhị Mỹ	T	G	G	2022					8,000	7,000	7,500		1,750	2,800	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TO2	Đồng ý
12	020588	25	Nguyễn Thanh Văn	Nữ	28	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	7,375	6,000		6,500	2,600	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1	TA2	Đồng ý
13	020589	25	Trần Thanh Văn	Nữ	01	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,000	9,500	8,000		3,250	5,500	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TO2	Đồng ý
14	020590	25	Vô Phạm Tuyết Vân	Nữ	06	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,250	9,625	9,000		5,200		TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TA1		Đồng ý
15	020591	25	Nguyễn Thị Tường Vi	Nữ	16	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					8,000	7,875	7,750		5,500		TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	NV1		Đồng ý
16	020592	25	Nguyễn Thị Tường Vi	Nữ	21	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	8,250	10,000		6,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
17	020593	25	Trần Thị Lê Vi	Nữ	07	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					8,000	8,500	9,000		7,500	8,500	TP Cao Lãnh	TQT1	TPCL2	NQD	HH1	TO2	Đồng ý
18	020594	25	Phan Quốc Việt	Nam	09	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Mỹ Hội	T	G	G	2022					6,000	8,250	6,250		1,250		H.Cao Lãnh	KV1	CL12	NQD	HH1		Đồng ý
19	020595	25	Bùi Võ Công Vinh	Nam	22	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	Lấp Vò	THCS Mỹ An Hưng B	T	G	G	2022					6,000	2,750	5,250		3,000		Lấp Vò	LV021		NQD	NV1		Đồng ý
20	020596	25	Lê Quốc Vinh	Nam	04	04	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					6,250	3,750	6,000			2,900	H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TA1		Đồng ý
21	020597	25	Lê Vũ Quốc Vinh	Nam	21	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	K	K	2022					5,000	6,875	4,750		2,200		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TA1		Không đồng ý
22	020598	25	Lý Quốc Vinh	Nam	01	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,250	4,000	6,000		0,500	1,300	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TA1	TO2	Đồng ý
23	020599	25	Nguyễn Hữu Vinh	Nam	21	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS Mỹ Quý	T	G	G	2022					6,750	4,500	8,500		6,750		Tháp Mười	MQ1		NQD	TO1		Đồng ý
24	020600	25	Phạm Thế Vinh	Nam	05	11	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	7,375	8,000		2,500	2,100	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TI2	Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 24 thí sinh./.

LẬP BẢNG

(Chữ ký)

Nguyễn Nhựt Trường



Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HD chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Phòng thi: 26

HD coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỜNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS/ BT THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT				TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYÊN VONG THPT			NGUYÊN VONG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3	MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN		
																			NGŨ VĂN		TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN, NGŨ VĂN, TIN HỌC								HOA HỌC, TIẾNG ANH	
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	
1	020601	26	Nguyễn Đình Triệu Vĩ	Nam	05	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					8,000	7,625	7,000		2,900	H.Cao Lãnh	CL11		NQD	TA1		Đồng ý		
2	020602	26	Nguyễn Hoàng Vĩ	Nam	14	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS Mỹ Quý	T	G	G	2022					8,250	9,625	8,250		6,000	5,300	Tháp Mười	MQ1		NQD	TA1	NV2	Đồng ý	
3	020603	26	Nguyễn Ánh Hùng Vương	Nam	29	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	5,875	7,500		3,750	2,900	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TO1	TA2	Đồng ý	
4	020604	26	Bùi Phương Vy	Nữ	24	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	6,875	9,750		7,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý	
5	020605	26	Đinh Thị Ngọc Vy	Nữ	09	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Thị trấn Mỹ Tho	T	G	G	2022					7,250	9,625	9,000		7,400		H.Cao Lãnh	CL11	KV2	NQD	TA1		Đồng ý	
6	020606	26	Hồ Thuý Vy	Nữ	07	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					9,000	8,875	7,500		6,200		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1		Đồng ý	
7	020607	26	Lê Nguyễn Tường Vy	Nữ	22	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	Thanh Bình	THCS Bình Thành	T	G	G	2022					7,000	3,625	4,250		4,000		Thanh Bình	TB11		NQD	NV1		Đồng ý	
8	020608	26	Lê Thị Thúy Vy	Nữ	30	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	5,875	4,750		3,400		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TA1		Đồng ý	
9	020609	26	Lê Trần Khánh Vy	Nữ	06	01	2007	An Giang	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,750	9,000	9,000		4,500	7,600	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý	
10	020610	26	Lê Yến Vy	Nữ	11	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Võ Trường Toản	T	G	G	2022					8,000	8,750	8,000		4,750	5,700	TP Cao Lãnh	TQT1		NQD	TO1	TA2	Đồng ý	
11	020611	26	Lương Thị Kiều Vy	Nữ	14	07	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					5,500	6,000	6,750	4,250	3,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	SH1	NV2	Đồng ý	
12	020612	26	Mai Ngọc Phương Vy	Nữ	19	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					3,250	4,375	2,500		4,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Đồng ý	
13	020613	26	Nguyễn Đỗ Minh Vy	Nữ	31	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,000	7,250	8,500		2,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1		Đồng ý	
14	020614	26	Nguyễn Hồng Triệu Vy	Nữ	30	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	8,250	9,000		5,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý	
15	020615	26	Nguyễn Ngọc Kiều Vy	Nữ	31	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,500	8,625	7,250		6,100		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TA1		Đồng ý	
16	020616	26	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	Nữ	01	03	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					6,000	5,000	6,250		3,750	2,200	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý	
17	020617	26	Nguyễn Ngọc Trúc Vy	Nữ	08	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	4,500	1,500	1,250	2,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1	NV2	Đồng ý	
18	020618	26	Nguyễn Thế Tường Vy	Nữ	02	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					9,250	9,500	9,000		7,750	8,000	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	TA1	NV2	Đồng ý	
19	020619	26	Nguyễn Thuý Vy	Nữ	31	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Phan Bội Châu	T	G	G	2022					6,500	7,250	6,750	4,750			TP Cao Lãnh	TQT1	TPCL2	NQD	SH1		Đồng ý	
20	020620	26	Nguyễn Thuỵ Tường Vy	Nữ	21	07	2007	Tiền Giang	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,000	3,500	5,250		5,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Đồng ý	
21	020621	26	Phạm Hồ Kiều Vy	Nữ	04	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,000	6,375	5,250	4,500	2,100		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	SH1	TA2	Đồng ý	

Tổng cộng danh sách này có 21 thí sinh./.

LẬP BẢNG



Nguyễn Nhựt Trường

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 CHUYÊN

Khóa thi ngày 15/6/2022

HĐ chấm thi: Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

Phòng thi: 27

BẢNG GHI ĐIỂM THI

HĐ coi thi: THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu

SỐ TT	SỐ BẢO DANH	PH THI	HỌ VÀ TÊN THI SINH	GIỚI TÍNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH			NƠI SINH	DÂN TỘC	HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ	HỌC SINH TRƯỞNG THCS	XLCN LỚP 9		XẾP LOẠI TN THCS	NĂM TN THCS/ BT THCS	MÃ UT			TỔNG ĐIỂM UT	ĐIỂM THI						NGUYỄN VONG THPT			NGUYỄN VONG CHUYÊN			
					NG	TH	NA					HK	HL			UT 1	UT 2	UT 3		MÔN CƠ SỞ			MÔN CHUYÊN			HUYỆN	NV1	NV2	MÃ TRƯỞNG	MÃ MÔN CH1	MÃ MÔN CH2	KHÔNG CHUYÊN
																				NGŨ VĂN	TIẾNG ANH	TOÁN	VẬT LÍ, SINH HỌC	TOÁN, NGŨ VĂN, TIN HỌC	HÓA HỌC, TIẾNG ANH							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	020622	27	Phạm Khánh Vy	Nữ	07	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	Thanh Bình	THCS An Phong	T	G	G	2022					5,500	6,250	8,000		3,750	1,700	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
2	020623	27	Thái Lê Vy	Nữ	11	02	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					V	V	V			V	TP Cao Lãnh	TPCL1		NQD	HH1		Đồng ý
3	020624	27	Trang Yến Vy	Nữ	01	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS TT Mỹ An	T	K	K	2022					7,000	6,500	5,000		3,500		Tháp Mười	TM1		NQD	NV1		Đồng ý
4	020625	27	Trần Hồng Vy	Nữ	02	05	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					9,000	9,750	10,000		8,750	6,300	TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TO1	TA2	Đồng ý
5	020626	27	Trần Lê Vy	Nữ	18	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	Tháp Mười	THCS TT Mỹ An	T	G	G	2022					8,500	9,000	9,000			7,875	Tháp Mười	TM1		NQD	HH1		Đồng ý
6	020627	27	Trần Nguyễn Thuý Vy	Nữ	26	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,000	5,125	8,250		2,750		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
7	020628	27	Trần Thúy Vy	Nữ	02	11	2007	An Giang	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,500	9,875	9,000	5,250	5,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1	SH2	Đồng ý
8	020629	27	Trần Triệu Vy	Nữ	11	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Hồng Ngự	THCS An Thạnh	T	G	G	2022					7,750	5,625	4,500		3,750	1,700	TP Hồng Ngự	HN11	CVA2	NQD	NV1	TA2	Đồng ý
9	020630	27	Trịnh Lê Bảo Vy	Nữ	01	08	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	9,125	8,750		6,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
10	020631	27	Võ Ngọc Thiên Vy	Nữ	27	04	2007	TP Hồ Chí Minh	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,500	6,250	7,250		1,500		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	HH1		Đồng ý
11	020632	27	Vũ Nhật Ái Vy	Nữ	17	09	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					6,750	6,625	7,000		3,000	2,000	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TO2	Đồng ý
12	020633	27	Trần Chí Vỹ	Nam	21	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	H.Cao Lãnh	THCS Phương Trà	T	G	G	2022					8,000	4,125	9,000	6,750			H.Cao Lãnh	TL11		NQD	SH1		Đồng ý
13	020634	27	Đỗ Phạm Thiên Xuân	Nữ	07	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					7,750	6,250	8,500		3,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TO1		Đồng ý
14	020635	27	Võ Ngọc Hồng Xuân	Nữ	17	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,000	6,500	7,500		3,250		TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	NV1		Đồng ý
15	020636	27	Nguyễn Ngọc Xuân Yến	Nữ	19	10	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					8,000	5,125	9,250		8,000		TP Cao Lãnh	TPCL1	THD2	NQD	TI1		Đồng ý
16	020637	27	Phan Gia Yến	Nữ	02	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Nguyễn Thị Lưu	T	G	G	2022					7,250	8,000	4,250		4,500	2,100	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý
17	020638	27	Võ Hải Yến	Nữ	28	06	2007	Đồng Tháp	Kinh	Lấp Vò	THCS Mỹ An Hưng B	T	G	G	2022					7,000	6,500	10,000		8,500	9,750	Lấp Vò	LV021		NQD	HH1	TO2	Không đồng ý
18	020639	27	Nguyễn Bùi Như Ý	Nữ	02	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					8,250	7,000	8,750		3,500	3,200	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	NV2	Đồng ý
19	020640	27	Nguyễn Lê Như Ý	Nữ	02	01	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	G	G	2022					5,500	5,375	1,750		0,000	2,400	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TA1	TI2	Đồng ý
20	020641	27	Trình Thị Như Ý	Nữ	11	12	2007	Đồng Tháp	Kinh	TP Cao Lãnh	THCS Kim Hồng	T	K	K	2022					6,250	5,250	8,250		1,000	1,700	TP Cao Lãnh	TPCL1	DCT2	NQD	TI1	TA2	Đồng ý

Tổng cộng danh sách này có 20 thí sinh./.

LẬP BẢNG

(Chữ ký)

Nguyễn Nhựt Trường



Đồng Tháp, ngày 23 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT
Nguyễn Minh Tâm